

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH



**BÀI GIẢNG**  
**Học phần Công tác quốc phòng và an ninh**  
*(Dùng cho sinh viên)*

*Hải Phòng, năm 2021*

**Bài 1:** Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam

**Bài 2:** Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

**Bài 3:** Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

**Bài 4:** Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông

**Bài 5:** Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác

**Bài 6:** An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng

**Bài 7:** An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

## Bài 1

# PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HOÀ BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

## I - MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Nắm vững âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và cách mạng Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó đề mỗi người đề cao cảnh giác cách mạng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và lực lượng vũ trang làm thất bại chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của chúng..

Ra sức học tập trau dồi phẩm chất, năng lực của người đoàn viên thanh niên, kế tiếp các thế hệ cha anh góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## II - NỘI DUNG

### 1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

a) *Khái niệm*: "Diễn biến hoà bình" là chiến lược cơ bản nhằm lật đổ chế độ chính trị của các nước tiên bộ, trước hết là các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong bằng biện pháp phi quân sự do chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiến hành.<sup>[23]</sup>

Nội dung chính của chiến lược "Diễn biến hoà bình" là kẻ thù sử dụng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội, đối ngoại, an ninh..., để phá hoại, làm suy yếu từ bên trong các nước xã hội chủ nghĩa. Kích động các mâu thuẫn trong xã hội, tạo ra các lực lượng chính trị đối lập núp dưới chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, sắc tộc, khuyến khích tư nhân hoá về kinh tế và đa nguyên về chính trị, làm mơ hồ giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nhân dân lao động. Đặc biệt, chúng coi trọng kích lệ lối sống tư sản và từng bước làm phai nhạt mục tiêu, lí tưởng xã hội chủ nghĩa ở một bộ phận học sinh. Triệt để khai thác và lợi dụng những khó khăn, sai sót của Đảng, Nhà nước xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nên sức ép, từng bước chuyển hoá và thay đổi đường lối chính trị, chế độ xã hội theo quỹ đạo chủ nghĩa tư bản.

b) *Sự hình thành và phát triển của chiến lược "Diễn biến hoà bình"*

Chiến lược “Diễn biến hoà bình” đã ra đời, phát triển cùng với sự điều chỉnh phương thức, thủ đoạn chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế để chống phá các nước xã hội chủ nghĩa. Chiến lược "Diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau.

+ Giai đoạn từ 1945 - 1980, đây là giai đoạn manh nha hình thành chiến lược "diễn biến hoà bình" được bắt nguồn từ nước Mỹ. Tháng 3 năm 1947, chính quyền Truman đã trên cơ sở kế thừa tư tưởng của Kennan đã bổ sung, hình thành và công bố thực hiện chiến lược "ngăn chặn" chủ nghĩa cộng sản. Tháng 4 năm 1948, Quốc hội Mỹ chính thức phê chuẩn kế hoạch Mác San, tăng viện trợ để kích lệ lực lượng dân chủ, cài cắm gián điệp vào các đảng cộng sản để phá hoại các nước xã hội chủ nghĩa và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Tây Âu, hướng họ phụ thuộc vào Mỹ. Đến

tháng 12 năm 1957, Tổng thống Aisenhao đã tuyên bố "Mỹ sẽ giành thắng lợi bằng hoà bình" và mục đích của chiến lược để làm suy yếu và lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa.

Từ những năm 60 đến 80 của thế kỉ XX, nhiều đời tổng thống kế tiếp của Mỹ như Kennodi, Giônxon, Níchxon, Pho, đã coi trọng và thực hiện biện pháp "diễn biến hoà bình" để chống lại làn sóng cộng sản, lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, từ sau thất bại ở Việt Nam, Mỹ đã từng bước thay đổi chiến lược chuyển từ tiến công bằng sức mạnh quân sự là chính, sang tiến công bằng "diễn biến hoà bình" là chủ yếu. Từ vị trí là thủ đoạn kết hợp với chiến lược "ngăn chặn", đã phát triển thành một chiến lược cơ bản, ngày càng hoàn thiện để chống các nước cộng sản.

+ Giai đoạn từ năm 1980 đến nay, chủ nghĩa đế quốc, các thế lực thù địch từng bước hoàn thiện "Diễn biến hoà bình" và trở thành chiến lược chủ yếu tiến công chống các nước xã hội chủ nghĩa. Do phát hiện thấy những sai lầm, khuyết điểm của các đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa trong cải tổ, cải cách, từ năm 1980 đến 1990, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã sử dụng chiến lược "Diễn biến hoà bình" để tiến công nhằm làm suy yếu, tiến tới lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa.

Sau sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục ra sức sử dụng chiến lược "Diễn biến hoà bình" để thực hiện âm mưu xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Các thế lực thù địch cho rằng, phải làm xói mòn tư tưởng, đạo đức và niềm tin cộng sản của thế hệ trẻ để "tự diễn biến", tự suy yếu, dẫn đến sụp đổ, tan rã chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước còn lại.

b) *Bạo loạn lật đổ*: là hành động chống phá bằng bạo lực có tổ chức do lực lượng phản động hay lực lượng li khai, đối lập trong nước hoặc cấu kết với nước ngoài tiến hành gây rối loạn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc lật đổ chính quyền ở địa phương hay trung ương<sup>1</sup>.

Về hình thức của bạo loạn, gồm có bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang hoặc bạo loạn chính trị kết hợp với vũ trang.

Trên thực tiễn, bạo loạn lật đổ là một thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động gắn liền với chiến lược "diễn biến hoà bình" để xoá bỏ chủ nghĩa xã hội. Khi tiến hành bạo loạn lật đổ, các thế lực thù địch thường kích động những phần tử quá khích, làm mất ổn định trật tự an toàn xã hội ở một số khu vực và trong một thời gian nhất định (thường chỉ diễn ra trong không gian hẹp và thời gian ngắn) tiến tới lật đổ chính quyền ở địa phương hoặc nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Quy mô bạo loạn lật đổ, có thể diễn ra ở nhiều mức độ, từ quy mô nhỏ đến lớn. Phạm vi địa bàn xảy ra bạo loạn lật đổ có thể ở nhiều nơi, nhiều vùng của đất nước, trọng điểm là những vùng trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hoá của Trung ương và địa phương, nơi nhạy cảm về chính trị hoặc ở các khu vực, địa bàn mà cơ sở chính trị của địa phương yếu kém.

## **2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam**

a) *Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam*

Chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực thù địch luôn coi Việt Nam là một trọng điểm trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" chống chủ nghĩa xã hội. Từ đầu năm 1950 đến 1975, chủ nghĩa đế quốc dùng hành động quân sự để xâm lược và muốn biến Việt Nam thành thuộc địa vĩnh viễn của chúng nhưng cuối cùng đã bị thất bại hoàn toàn. Sau khi sử dụng những đòn tấn công bằng quân sự để xâm lược Việt Nam không thành công, chúng đã chuyển sang chiến lược mới như "bao vây cấm vận kinh tế", "cô lập về ngoại giao" kết hợp với "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Lợi dụng thời kì nước ta gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, từ năm 1975 - 1994 do hậu quả của chiến tranh để lại và sự biến động chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu, các thế lực thù địch càng ráo riết đẩy mạnh "diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam.

Từ năm 1995 đến nay, trước những thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, thì các thế lực thù địch lại tiếp tục điều chỉnh thủ đoạn chống phá cách mạng nước ta. Chúng đã tuyên bố xoá bỏ "cấm vận kinh tế" và bình thường hoá quan hệ ngoại giao để chuyển sang thủ đoạn mới, đẩy mạnh hoạt động xâm nhập như : "dính líu", "ngâm", "sâu, hiểm" nhằm chống phá cách mạng Việt Nam.

Mục tiêu nhất quán của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trong sử dụng chiến lược "diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam là thực hiện âm mưu xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, lái nước ta đi theo con đường chủ nghĩa tư bản và lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc,... Để đạt được mục tiêu đó, các thế lực thù địch không từ bỏ bất kì thủ đoạn chống phá nào như sử dụng bạo lực phi vũ trang, bạo lực vũ trang, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,... Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta hiện nay là toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tinh vi, thâm độc và nhiều thủ đoạn tinh vi khó nhận biết, cụ thể:

*Thủ đoạn về kinh tế.* Chúng muốn chuyển hoá nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam dần dần theo quỹ đạo kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Kích lệ thành phần kinh tế tư nhân phát triển, từng bước làm mất vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước. Lợi dụng sự giúp đỡ, viện trợ kinh tế, đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ cho Việt Nam để đặt ra các điều kiện và gây sức ép về chính trị, từng bước chuyển hoá Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa.

*Thủ đoạn về chính trị.* Các thế lực thù địch kích động đòi thực hiện chế độ "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập", "tự do hoá" mọi mặt đời sống xã hội, từng bước xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Chúng tập hợp, nuôi dưỡng các tổ chức, phần tử phản động trong nước và ngoài nước, lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" để chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất đi vai trò lãnh đạo của Đảng. Tận dụng những sơ hở trong đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước ta, sẵn sàng can thiệp trắng trợn bằng sức mạnh quân sự để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

*Thủ đoạn về tư tưởng - văn hoá.* Chúng thực hiện nhiều hoạt động nhằm xoá bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phá vỡ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ra sức truyền bá tư tưởng tư sản vào các tầng lớp nhân

dân. Lợi dụng xu thế mở rộng hợp tác quốc tế, du nhập những sản phẩm văn hoá đồi trụy, lối sống phương Tây, để kích động lối sống tư bản trong thanh niên từng bước làm phai mờ bản sắc văn hoá và giá trị văn hoá của dân tộc Việt Nam.

*Thủ đoạn trong lĩnh vực tôn giáo - dân tộc.* Chúng lợi dụng những khó khăn ở những vùng đồng bào dân tộc ít người, những tồn tại do lịch sử để lại, trình độ dân trí của một bộ phận đồng bào còn thấp và những khuyết điểm trong thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo của một bộ phận cán bộ để kích động tư tưởng đòi li khai, tự quyết dân tộc.

Lợi dụng chính sách tự do tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta để truyền đạo trái phép để thực hiện âm mưu tôn giáo hoá dân tộc, từng bước gây mất ổn định xã hội và làm chệch hướng chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

*Thủ đoạn trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh.* Các thế lực thù địch lợi dụng xu thế mở rộng, hợp tác quốc tế, thực hiện xâm nhập, tăng cường hoạt động tình báo thu thập bí mật quốc gia. Chúng kích động đòi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối với lực lượng vũ trang. Đối với quân đội và công an, các thế lực thù địch chủ trương vô hiệu hoá sự lãnh đạo của Đảng với luận điệu "phi chính trị hoá" làm cho các lực lượng này xa rời mục tiêu chiến đấu.

*Thủ đoạn trên lĩnh vực đối ngoại.* Các thế lực thù địch lợi dụng chủ trương Việt Nam mở rộng hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới để tuyên truyền và hướng Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Hạn chế sự mở rộng quan hệ hợp tác của Việt Nam đối với các nước lớn trên thế giới, tìm cách ngăn cản những dự án đầu tư quốc tế vào Việt Nam. Đặc biệt, chúng rất coi trọng việc chia rẽ tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa, hạ thấp uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

*b) Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.* Các thế lực thù địch chú trọng nuôi dưỡng các tổ chức phản động sống lưu vong ở nước ngoài và kết hợp với các phần tử cực đoan, bất mãn trong nước gây rối, làm mất ổn định xã hội ở một số vùng nhạy cảm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ của Việt Nam. Chúng tiến hành nhiều hoạt động xảo quyệt để lôi kéo, mua chuộc quần chúng nhân dân lao động đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương. Vùng Tây Bắc, chúng kích động người H'Mông đòi thành lập khu tự trị riêng. Vùng Tây Nguyên, chúng ra sức tuyên truyền thành lập nhà nước Đê Ga, chờ thời cơ thuận lợi để tiến hành lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thủ đoạn cơ bản mà các thế lực thù địch đã sử dụng để tiến hành bạo loạn lật đổ chính quyền ở một số địa phương nước ta là: kích động sự bất bình của quần chúng, dụ dỗ và cưỡng ép nhân dân biểu tình làm chỗ dựa cho lực lượng phản động trà trộn hoạt động đập phá trụ sở, rồi uy hiếp khống chế cơ quan quyền lực của địa phương. Trong quá trình gây bạo loạn, bọn phản động tìm mọi cách để mở rộng phạm vi, quy mô, lực lượng và kêu gọi sự tài trợ tiền của, vũ khí ngoài nước vào để tăng sức mạnh.

Yêu cầu đặt ra là phải nâng cao cảnh giác cách mạng, kịp thời phát hiện âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, dự báo đúng thủ đoạn, quy mô, địa điểm và thời gian. Nắm vững nguyên tắc xử lí trong đấu tranh chống bạo loạn lật đổ

là: nhanh gọn, kiên quyết, linh hoạt, đúng đối tượng, sử dụng lực lượng và phương thức đấu tranh phù hợp, không để lan rộng kéo dài.

### **3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta**

#### *a) Mục tiêu*

Mục tiêu của chiến lược "Diễn biến hoà bình" mà các thế lực thù địch tiến hành ở Việt Nam là làm chuyển hoá chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là phải làm thất bại âm mưu thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước, tạo môi trường hoà bình để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc

#### *b) Nhiệm vụ*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần X của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ. Đây là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh hiện nay, đồng thời, còn là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài. Chủ động phát hiện âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch đối với nước ta, kịp thời tiến công ngay từ đầu. Xử lý nhanh chóng, hiệu quả khi có bạo loạn xảy ra và luôn bảo vệ tốt chính trị nội bộ.

#### *c) Quan điểm chỉ đạo*

+ Đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" là một cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt, lâu dài và phức tạp trên mọi lĩnh vực.

Thực chất chiến lược "diễn biến hoà bình" mà các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc. Mục tiêu của chiến lược đó là nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và chuyển hoá theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Do đó, cuộc đấu tranh sẽ hết sức gay go, quyết liệt và lâu dài trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Chống "diễn biến hoà bình" là cấp bách hàng đầu trong các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh hiện nay để bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt mà các thế lực thù địch sử dụng trong chiến lược "diễn biến hoà bình" với nhiều đòn tấn công "mềm" trên tất cả các lĩnh vực để chống phá cách mạng nước ta. Vì thế, Đảng ta đã xác định rõ nội dung bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là toàn diện, coi trọng giữ vững an ninh kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng.

+ Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong đấu tranh chống "diễn biến hoà bình".

Các thế lực thù địch sử dụng sức mạnh tổng hợp để chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đánh vào mọi tầng lớp nhân dân lao động, mọi tổ chức chính trị - xã hội, mọi lĩnh vực. Do đó, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng để làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam.

*d) Phương châm tiến hành*

*Kết hợp chặt chẽ giữa giữ vững bên trong với chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.* Do đó, mọi cấp, mọi ngành, mọi người dân phải thấy rõ tính chất nham hiểm của chiến lược "Diễn biến hoà bình". Từ đó, phải nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động tiến công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù nhằm chống phá cách mạng nước ta.

*Chủ động, kiên quyết, khôn khéo xử lý tình huống và giải quyết hậu quả khi có bạo loạn xảy ra, giải quyết các vụ gây rối, không để phát triển thành bạo loạn.* Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bao giờ cũng chủ động chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, từng bước làm suy yếu từ bên trong và khi có thời cơ tiến hành lật đổ chế độ xã hội. Thực tế chứng minh, chủ động tấn công sẽ tạo thuận lợi giành thắng lợi trong chiến tranh nói chung và trong phòng chống chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta.

*Xây dựng tiềm lực vững mạnh của đất nước, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước và quốc tế, kịp thời làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù đối với Việt Nam.* Trên thực tế, kẻ thù thường cấu kết lực lượng phản động ở ngoài nước với những phần tử cực đoan, chống đối ở trong nước và bằng nhiều thủ đoạn tinh vi và thâm hiểm, tổng hợp. Do vậy, phải thường xuyên coi trọng xây dựng tiềm lực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt. Chú trọng tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân lao động hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn cơ bản trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" mà kẻ thù sử dụng để chống phá sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

**4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay**

*a) Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế*

Muốn ngăn chặn, đấu tranh đạt hiệu quả, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù đối với nước ta thì phải giữ vững sự ổn định xã hội và làm cho đất nước ngày càng vững mạnh về mọi mặt. Tệ quan liêu, tham nhũng được kẻ thù lợi dụng để khoét sâu mâu thuẫn nội bộ, kích động nhân dân lao động đứng lên biểu tình chống lại chính quyền địa phương, chống Đảng và Nhà nước ta, gây mất ổn định xã hội. Do đó, việc đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế là giải pháp hữu hiệu để giữ vững và thúc đẩy yếu tố bên trong của đất nước luôn ổn định.

*b) Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ*



Chủ động nắm địch, phát hiện kịp thời những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch sử dụng để chống phá cách mạng nước ta có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Do vậy phải giáo dục rộng rãi trong toàn xã hội để mọi người dân Việt Nam, mọi tổ chức chính trị - xã hội đều nhận thức sâu sắc âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù chống phá cách mạng Việt Nam. Cần phải đấu tranh phê phán những biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác cách mạng trong một bộ phận nhân dân, học sinh trước âm mưu, thủ đoạn thâm hiểm trong chiến lược "Diễn biến hoà bình" của kẻ thù chống phá nước ta hiện nay. Mỗi người dân Việt Nam phải có tri thức, có bản lĩnh chính trị, có phương pháp xem xét phát hiện và báo cáo kịp thời thủ đoạn chống phá của kẻ thù cho cơ quan chức năng xử lý không để bất ngờ.

*c) Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân*

Đối với nước ta, bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch lợi dụng sự sụp đổ của xã hội chủ nghĩa, ở Liên Xô và Đông Âu, lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố, tấn công quyết liệt vào độc lập chủ quyền của các quốc gia, dân tộc, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa trong đó có nước ta. Vì vậy, khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn nêu cao tinh thần cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và các thành quả cách mạng.

Giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho các tầng lớp nhân dân phải mang tính toàn diện, nhưng tập trung vào: Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước; tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chống phá đất nước ta; quan điểm, đường lối của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới; tinh thần sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, quyết tử để Tổ quốc quyết sinh... hình thức giáo dục phải đa dạng, phù hợp với từng đối tượng.

*d) Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt*

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh sẽ bảo đảm cho chế độ xã hội luôn ổn định, phát triển. Do vậy, phải luôn luôn chú trọng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay là đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp nhân dân, mọi thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng, mọi miền đất nước; đoàn kết trong Đảng và ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, người trong nước và người đang sinh sống ở nước ngoài.

Nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả, nền nếp hoạt động của các tổ chức quần chúng... Duy trì nghiêm kỷ luật của Đảng ở các cấp, xử lý kịp thời những đảng viên, tổ chức đảng có khuyết điểm, khen thưởng kịp thời những đảng viên, tổ chức Đảng và quần chúng thực hiện tốt đường lối, chủ trương Điều lệ Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

*e) Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh*

Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên phải rộng khắp ở tất cả các làng, bản, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bảo đảm triển khai thể trận phòng thủ ở các địa phương, cơ sở. Phải chú trọng giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng nhưng lấy chất lượng là chính.

Ở mỗi địa phương, phải chú trọng kết hợp phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng vũ trang ở cơ sở. Quần chúng là nền tảng, là gốc rễ của dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Vì vậy, quần chúng cũng là đối tượng để kẻ thù lợi dụng, mua chuộc nhằm thực hiện âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ nhằm chống phá cách mạng nước ta.

*f) Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch*

Mỗi thủ đoạn, hình thức, biện pháp mà kẻ thù sử dụng trong chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, cần có phương thức xử lý cụ thể, hiệu quả.

Khi mỗi tình huống bạo loạn xảy ra, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, xử trí theo nguyên tắc nhanh gọn - kiên quyết - linh hoạt - đúng đối tượng - không để lan rộng, kéo dài. Từ đó, xây dựng đầy đủ luyện tập các phương án sát với diễn biến từng địa phương, từng đơn vị, từng cấp, từng ngành. Hoạt động xử lý bạo loạn phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền, các ngành tham mưu, quân đội và công an.

*g) Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động*

Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thực chất là để tạo ra cơ sở vật chất, phát triển lực lượng sản xuất và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đồng thời, là điều kiện để tăng năng suất lao động của xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động, để tạo nên sức mạnh của thể trận "lòng dân".

Những giải pháp trên đây có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đấu tranh ngăn ngừa âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của kẻ thù sử dụng để chống phá Việt Nam hiện nay. Vì vậy trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ này không nên coi nhẹ hoặc tuyệt đối hoá một giải pháp nào.

Học sinh là thế hệ tương lai của đất nước, đồng thời cũng là một đối tượng mà các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá nhằm làm suy thoái về đạo đức, lối sống và phai nhạt niềm tin, lí tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, mỗi người phải có nỗ lực học tập và rèn luyện để trở thành công dân tốt, cống hiến cho đất nước, phải thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát hiện và góp phần đấu tranh, ngăn ngừa, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù trong chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ, hòng xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

## **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch sử dụng chống phá các nước xã hội chủ nghĩa như thế nào ?

3. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá đối với Việt nam hiện nay ?

4. Phương hướng, giải pháp cơ bản phòng, chống "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ? Liên hệ với vai trò, trách nhiệm của thanh niên, học sinh trong phòng, chống "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ?

## **Bài 2**

### **MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO ĐỂ CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

#### **I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Trang bị cho học sinh những kiến thức chung, cơ bản nhất về dân tộc, tôn giáo, giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả quán triệt, tuyên truyền, thực hiện quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta, cảnh giác đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

#### **II. NỘI DUNG**

##### **1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc**

###### *a) Một số vấn đề chung về dân tộc*

- *Khái niệm:* Dân tộc là cộng đồng người ổn định, hình thành trong lịch sử, tạo lập một quốc gia, trên cơ sở cộng đồng bền vững về: lãnh thổ quốc gia, kinh tế, ngôn ngữ, truyền thống, văn hoá, đặc điểm tâm lý, ý thức về dân tộc và tên gọi của dân tộc<sup>[25]</sup>. Khái niệm được hiểu:

+ Các thành viên cùng dân tộc sử dụng một ngôn ngữ chung (tiếng mẹ đẻ) để giao tiếp nội bộ dân tộc. Các thành viên cùng chung những đặc điểm sinh hoạt văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc.

+ Dân tộc được hiểu theo nghĩa cộng đồng quốc gia dân tộc, là một cộng đồng chính trị – xã hội, được chỉ đạo bởi một nhà nước, thiết lập trên một lãnh thổ chung, như: dân tộc Việt Nam, dân tộc Trung Hoa...

###### *- Tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới:*

Hiện nay, trước sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá kinh tế diễn ra mạnh mẽ, làm cho quan hệ giai cấp, dân tộc diễn biến phức tạp, khó lường. Như Đảng ta đã nhận định: trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trong quan hệ giữa các dân tộc. Toàn cầu hoá và các vấn đề toàn cầu làm cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc

tăng lên, thúc đẩy xu thế khu vực hoá. Đồng thời các dân tộc đề cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, chống can thiệp áp đặt và cường quyền.

Mặt khác, quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra rất phức tạp, nóng bỏng ở cả phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Mâu thuẫn, xung đột dân tộc, sắc tộc, xu hướng li khai, chia rẽ dân tộc đang diễn ra ở khắp các quốc gia, các khu vực, các châu lục trên thế giới... Đúng như Đảng ta nhận định : “Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, li khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp”<sup>[26]</sup>. Vấn đề quan hệ dân tộc, sắc tộc đã gây nên những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường cho các quốc gia, đe dọa hoà bình, an ninh khu vực và thế giới.

- *Quan điểm chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.*

Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc

+ Vấn đề dân tộc là những nội dung nảy sinh trong quan hệ giữa các dân tộc diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội tác động xấu đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc, các quốc gia dân tộc với nhau cần phải giải quyết.

Thực chất của vấn đề dân tộc là sự va chạm, mâu thuẫn lợi ích giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế diễn ra trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

+ Vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài. Bởi do dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau; do sự khác biệt về lợi ích; do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá, tâm lí; do tàn dư tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, tự ti dân tộc; do thiếu sót, hạn chế trong hoạch định, thực thi chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước cầm quyền; do sự thống trị, kích động chia rẽ của các thế lực phản động đối với các dân tộc.

Vấn đề dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vấn đề dân tộc gắn kết chặt chẽ với vấn đề giai cấp. Giải quyết vấn đề dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- *Giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm của V.I.Lênin.*

Đó là các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc.

+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng là các dân tộc không phân biệt lớn, nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau trên mọi lĩnh vực trong quan hệ giữa các dân tộc trong quốc gia đa dân tộc, và giữa các quốc gia dân tộc với nhau trong quan hệ quốc tế ; xoá bỏ mọi hình thức áp bức, bóc lột dân tộc. Quyền bình đẳng dân tộc phải được pháp luật hoá và thực hiện trên thực tế. Đây là quyền thiêng liêng, là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết, xây dựng quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc.

+ Các dân tộc được quyền tự quyết, là quyền làm chủ vận mệnh của mỗi dân tộc : quyền tự quyết định chế độ chính trị, con đường phát triển của dân tộc mình,

bao gồm cả quyền tự do phân lập thành quốc gia riêng và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, phù hợp với lợi ích chính đáng của các dân tộc. Kiên quyết đấu tranh chống việc lợi dụng quyền tự quyết để can thiệp, chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

+ Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là sự đoàn kết công nhân các dân tộc trong phạm vi quốc gia và quốc tế, và cả sự đoàn kết quốc tế của các dân tộc, các lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, giai cấp, quốc tế. Đây là nội dung vừa phản ánh bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, vừa phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, đảm bảo cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh và khả năng để giành thắng lợi.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.*

Trung thành với quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, bám sát thực tiễn cách mạng, đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm dân tộc đúng đắn, góp phần cùng toàn Đảng, lãnh đạo nhân dân ta giải phóng dân tộc; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc của Hồ Chí Minh về nội dung toàn diện, phong phú, sâu sắc, khoa học và cách mạng; đó là những luận điểm cơ bản chỉ đạo, lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập dân tộc; xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam và giữa dân tộc Việt Nam với các quốc gia dân tộc trên thế giới.

Khi Tổ quốc bị thực dân Pháp xâm lược, đô hộ, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước, cùng Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Khi Tổ quốc được độc lập, tự do, Người đã cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng mối quan hệ mới, tốt đẹp giữa các dân tộc: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển đi lên con đường ấm no, hạnh phúc. Người rất quan tâm chăm sóc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Khắc phục tàn dư tư tưởng phân biệt, kì thị dân tộc, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi. Người quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc. Lên án, vạch trần mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

*b) Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng Nhà nước ta hiện nay.*

- *Khái quát đặc điểm các dân tộc ở nước ta hiện nay :*

Việt Nam là một quốc gia dân tộc thống nhất gồm 54 dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc ở Việt Nam có đặc trưng sau :

*Một là, các dân tộc ở Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất.* Đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, do yêu cầu khách quan của công cuộc đấu tranh chống thiên tai, địch hoạ dân tộc ta đã phải sớm đoàn kết thống nhất. Các dân tộc ở Việt Nam đều có chung cội nguồn, chịu ảnh hưởng

chung của điều kiện tự nhiên, xã hội, chung vận mệnh dân tộc, chung lợi ích cơ bản - quyền được tồn tại, phát triển. Đoàn kết thống nhất đã trở thành giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc, là sức mạnh để dân tộc ta tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước.

*Hai là, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ* trên địa bàn rộng lớn, chủ yếu là miền núi, biên giới, hải đảo. Không có dân tộc thiểu số nào cư trú duy nhất trên một địa bàn mà không xen kẽ với một vài dân tộc khác. Nhiều tỉnh miền núi các dân tộc thiểu số chiếm đa số dân số như : Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu...

*Ba là, các dân tộc ở nước ta có quy mô dân số và trình độ phát triển không đều.* Theo số liệu điều tra dân số năm 1999, nước ta có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh có 65,9 triệu người, chiếm 86,2% dân số cả nước, 53 dân tộc thiểu số có 10,5 triệu người chiếm 13,8% dân số cả nước. Dân số của các dân tộc thiểu số dân số cũng chênh lệch nhau. Có hai dân tộc có dân số từ 1 triệu trở lên, có 10 dân tộc có số dân từ dưới 1 triệu đến 100 ngàn người ; 20 dân tộc có số dân dưới 100 ngàn người ; 16 dân tộc có số dân từ dưới 10 ngàn người đến 1 ngàn người; 5 dân tộc có số dân dưới 1 ngàn người là: Sila, Púpéo, Rơmăm, Ôđu, và Brâu.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau. Có dân tộc đã đạt trình độ phát triển cao, đời sống đã tương đối khá như dân tộc Kinh, Hoa, Tày, Mường, Thái..., nhưng cũng có dân tộc trình độ phát triển thấp, đời sống còn nhiều khó khăn như một số dân tộc ở Tây Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên...

*Bốn là, mỗi dân tộc ở Việt Nam đều có sắc thái văn hoá riêng, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú, thống nhất của văn hoá Việt Nam.* Các dân tộc đều có sắc thái văn hoá về nhà cửa, ăn mặc, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo và ý thức dân tộc riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú của văn hoá Việt Nam. Đồng thời các dân tộc cũng có điểm chung thống nhất về văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức quốc gia dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc trưng của văn hoá các dân tộc ở Việt Nam.

*- Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay*

Trong các giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn có quan điểm nhất quán : “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam”<sup>1</sup>. Công tác dân tộc ở nước ta hiện nay, Đảng, Nhà nước ta tập trung:

Khắc phục sự cách biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc; nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kì thị, chia rẽ dân tộc, lợi dụng vấn đề dân tộc để gây mất ổn định chính trị - xã hội, chống phá cách mạng; thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm cho tất cả các dân tộc ở Việt Nam đều phát triển, ấm no, hạnh phúc.

Văn kiện Đại hội X chỉ rõ quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay là: "Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài

trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế- xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kì thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc”<sup>1</sup>.

## **2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo**

### *a) Một số vấn đề chung về tôn giáo*

- *Khái niệm tôn giáo:* Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, theo quan niệm hoang đường, ảo tưởng phù hợp với tâm lí, hành vi của con người<sup>2</sup>.

Trong đời sống xã hội, tôn giáo là một cộng đồng xã hội, với các yếu tố: Hệ thống giáo lí tôn giáo, nghi lễ tôn giáo, tổ chức tôn giáo với đội ngũ giáo sĩ và tín đồ, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tôn giáo.

- *Cần phân biệt tôn giáo với mê tín dị đoan.*

Mê tín dị đoan là những hiện tượng (ý thức, hành vi) cuồng vọng của con người đến mức mê muội, trái với lẽ phải và hành vi đạo đức, văn hoá cộng đồng, gây hậu quả tiêu cực trực tiếp đến đời sống vật chất tinh thần của cá nhân, cộng đồng xã hội. Đây là một hiện tượng xã hội tiêu cực, phải kiên quyết bài trừ, nhằm lành mạnh hoá đời sống tinh thần xã hội.

### *b. Nguồn gốc của tôn giáo*

Có nguồn gốc từ các yếu tố kinh tế - xã hội, nhận thức và tâm lí.

- *Nguồn gốc kinh tế - xã hội:* Trong xã hội nguyên thuỷ, do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối, lệ thuộc và bất lực trước tự nhiên. Vì vậy họ đã gán cho tự nhiên những lực lượng siêu tự nhiên có sức mạnh, quyền lực to lớn, quyết định đến cuộc sống và họ phải tôn thờ.

Khi xã hội có giai cấp đối kháng, nạn áp bức, bóc lột, bất công của giai cấp thống trị đối với nhân dân lao động là nguồn gốc nảy sinh tôn giáo. V.I.Lênin đã viết: "Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên đẻ ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia"<sup>1</sup>. Hiện nay, con người vẫn chưa hoàn toàn làm chủ tự nhiên và xã hội ; các cuộc xung đột giai cấp, dân tộc, tôn giáo, thiên tai, bệnh tật,... vẫn còn diễn ra, nên vẫn còn nguồn gốc để tôn giáo tồn tại.

- *Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo.* Tôn giáo bắt nguồn từ sự nhận thức hạn hẹp, mơ hồ về tự nhiên, xã hội có liên quan đến đời sống, số phận của con người. Con người đã gán cho nó những sức mạnh siêu nhiên, tạo ra các biểu tượng tôn giáo. Mặt khác, trong quá trình biện chứng của nhận thức, con người nảy sinh những yếu tố suy diễn, tưởng tượng xa lạ với hiện thực khách quan, hình thành nên các biểu tượng tôn giáo.

- *Nguồn gốc tâm lí của tôn giáo.* Tình cảm, cảm xúc, tâm trạng lo âu, sợ hãi, buồn chán, tuyệt vọng đã dẫn con người đến sự khuất phục, không làm chủ được bản thân là cơ sở tâm lí để hình thành tôn giáo. Mặt khác, lòng biết ơn, sự tôn kính đối với những người có công khai phá tự nhiên và chống lại các thế lực áp bức trong tình cảm, tâm lí con người cũng là cơ sở để tôn giáo nảy sinh.

- *Tính chất của tôn giáo:* Cũng như các hình thái ý thức xã hội khác, tôn giáo có tính lịch sử, tính quần chúng, tính chính trị.

*Tính lịch sử của tôn giáo:* Tôn giáo ra đời, tồn tại và biến đổi phản ánh và phụ thuộc vào sự vận động, phát triển của tồn tại xã hội. Tôn giáo còn tồn tại rất lâu dài, nhưng sẽ mất đi khi con người làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và tư duy.

*Tính quần chúng của tôn giáo:* Tôn giáo phản ánh khát vọng của quần chúng bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái (dù đó là hư ảo). Tôn giáo đã trở thành nhu cầu tinh thần, đức tin, lối sống của một bộ phận dân cư. Hiện nay, một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân tin theo các tôn giáo.

*Tính chính trị của tôn giáo:* Xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp. Giai cấp thống trị lợi dụng tôn giáo làm công cụ hỗ trợ để thống trị áp bức bóc lột và mê hoặc quần chúng. Những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra, thực chất vẫn là xuất phát từ lợi ích của những lực lượng xã hội khác nhau lợi dụng tôn giáo để thực hiện mục tiêu chính trị của mình.

*b) Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*

- *Tình hình tôn giáo trên thế giới*

Theo Từ điển Bách khoa Tôn giáo thế giới năm 2001, hiện nay trên thế giới có tới 10.000 tôn giáo khác nhau, trong đó khoảng 150 tôn giáo có hơn 1 triệu tín đồ. Những tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay gồm có: Kitô giáo (bao gồm Công giáo, Tin Lành, Anh giáo hay Chính thống giáo) có khoảng 2 tỉ tín đồ, chiếm 33% dân số thế giới; Hồi giáo: 1,3 tỉ tín đồ, chiếm 22% dân số thế giới; Ấn Độ giáo: 900 triệu tín đồ, chiếm 15% dân số thế giới và Phật giáo: 360 triệu, chiếm 6% dân số thế giới. Như vậy, chỉ tính các tôn giáo lớn đã có 4,2 tỉ người tin theo, chiếm 76% dân số thế giới.

Trong những năm gần đây hoạt động của các tôn giáo khá sôi động, diễn ra theo nhiều xu hướng. Các tôn giáo đều có xu hướng mở rộng ảnh hưởng ra toàn cầu; các tôn giáo cũng có xu hướng dân tộc hoá, bình dân hoá, mềm hoá các giới luật lễ nghi để thích nghi, tồn tại, phát triển trong từng quốc gia dân tộc; các tôn giáo cũng tăng các hoạt động giao lưu, thực hiện thêm các chức năng phi tôn giáo theo hướng thế tục hoá, tích cực tham gia các hoạt động xã hội để mở rộng ảnh hưởng làm cho sinh hoạt tôn giáo đa dạng, sôi động và không kém phần phức tạp.



Đáng chú ý là gần đây, xu hướng đa thần giáo phát triển song song với xu hướng nhất thần giáo, tuyệt đối hoá, thần bí hoá giáo chủ đang nổi lên ; đồng thời, nhiều “hiện tượng tôn giáo lạ” ra đời, trong đó có không ít tổ chức tôn giáo là một trong những tác nhân gây xung đột tôn giáo, xung đột dân tộc gay gắt trên thế giới hiện nay. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động tiếp tục lợi dụng tôn giáo để chống phá, can thiệp vào các quốc gia dân tộc độc lập.

Tình hình, xu hướng hoạt động của các tôn giáo thế giới có tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến sinh hoạt tôn giáo ở Việt Nam. Một mặt, việc mở rộng giao lưu giữa các tổ chức tôn giáo Việt Nam với các tổ chức tôn giáo thế giới đã giúp cho việc tăng cường trao đổi thông tin, góp phần xây dựng tinh thần hợp tác hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau vì lợi ích của các giáo hội và đất nước; góp phần đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch với Việt Nam; góp phần đào tạo chức sắc tôn giáo Việt Nam. Mặt khác, các thế lực thù địch cũng lợi dụng sự mở rộng giao lưu đó để tuyên truyền, kích động đồng bào tôn giáo trong và ngoài nước chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

*- Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*

Giải quyết vấn đề tôn giáo là một quá trình lâu dài gắn với quá trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Để giải quyết tốt vấn đề tôn giáo, cần thực hiện các vấn đề có tính nguyên tắc sau :

*Một là, giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới- xã hội xã hội chủ nghĩa.*

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, chỉ có thể giải phóng quần chúng khỏi ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo bằng cách từng bước giải quyết nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Đó phải là kết quả của sự nghiệp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới một cách toàn diện. Theo đó, giải quyết vấn đề tôn giáo phải sử dụng tổng hợp các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực nhằm xác lập được một thế giới hiện thực không có áp bức, bất công, nghèo đói, dốt nát. Tuyệt đối không được sử dụng mệnh lệnh hành chính cưỡng chế để tuyên chiến, xoá bỏ tôn giáo.

*Hai là, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, kiên quyết bài trừ mê tín dị đoan*

Trong chủ nghĩa xã hội, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, còn tồn tại lâu dài. Bởi vậy, phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Nội dung cơ bản của quyền tự do tín ngưỡng là: Bất kì ai cũng được tự do theo tôn giáo mà mình lựa chọn, tự do không theo tôn giáo, tự do chuyển đạo hoặc bỏ đạo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm cho mọi công dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Mọi tổ chức và cá nhân đều phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của công dân. Tôn trọng gắn liền

với không ngừng tạo điều kiện cho quần chúng tiến bộ mọi mặt, bài trừ mê tín dị đoan, bảo đảm cho tín đồ, chức sắc tôn giáo hoạt động theo đúng pháp luật.

*Ba là, quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo.*

Tôn giáo có tính lịch sử, nên vai trò, ảnh hưởng của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội cũng thay đổi theo sự biến đổi của tôn tại xã hội. Bởi vậy, khi xem xét, đánh giá, giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo cần phải quán triệt quan điểm lịch sử, cụ thể, tránh giáo điều, máy móc, rập khuôn cứng nhắc. Những hoạt động tôn giáo đúng pháp luật được tôn trọng, hoạt động ích nước lợi dân được khuyến khích, hoạt động trái pháp luật, đi ngược lại lợi ích dân tộc bị xử lý theo pháp luật.

*Bốn là, phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo.*

Trong xã hội, sinh hoạt tôn giáo tồn tại hai loại mâu thuẫn: Mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp bóc lột và thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động, đó là mặt chính trị của tôn giáo. Mâu thuẫn không đối kháng giữa những người có tín ngưỡng khác nhau hoặc giữa người có tín ngưỡng và không có tín ngưỡng, đó là mặt tư tưởng của tôn giáo.

Cho nên, một mặt phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, mặt khác phải kiên quyết đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động của các thế lực lợi dụng tôn giáo. Việc phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo nhằm: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quần chúng nhân dân, không phân biệt tín ngưỡng tôn giáo; Phát huy tinh thần yêu nước của những chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo; Kiên quyết vạch trần và xử lý kịp thời theo pháp luật những phần tử lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng.

*b) Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay*

*- Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*

Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo và nhiều người tin theo các tôn giáo. Hiện nay, ở nước ta có 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Cao Đài, Hoà Hảo với số tín đồ lên tới gần 20 triệu. Có người cùng lúc tham gia nhiều hành vi tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Trong những năm gần đây các tôn giáo đẩy mạnh hoạt động nhằm phát triển tổ chức, phát huy ảnh hưởng trong đời sống tinh thần xã hội. Các giáo hội đều tăng cường hoạt động mở rộng ảnh hưởng, thu hút tín đồ; tăng cường quan hệ với các tổ chức tôn giáo thế giới. Các cơ sở tôn giáo được tu bổ, xây dựng mới khang trang đẹp đẽ; các lễ hội tôn giáo diễn ra sôi động ở nhiều nơi. Đại đa số tín đồ chức sắc tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, theo hướng “tốt đời, đẹp đạo”.

Tuy nhiên tình hình tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Vẫn còn có chức sắc, tín đồ mang tư tưởng chống đối, cực đoan, quá khích gây tổn hại đến lợi ích dân tộc; vẫn còn các hoạt động tôn giáo xen lẫn với mê tín dị đoan, còn các hiện tượng tà giáo hoạt động làm mất trật tự an toàn xã hội.

Các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng gắn vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” với cái gọi là “tự do tôn giáo” để chia rẽ tôn giáo, dân tộc; tài trợ, xúi giục các phần tử xấu trong các tôn giáo truyền đạo trái phép, lôi kéo các tôn giáo vào những hoạt động trái pháp luật, gây mất ổn định chính trị.

- *Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay*

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng ta khẳng định: tôn giáo còn tồn tại lâu dài, còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tôn giáo có những giá trị văn hoá, đạo đức tích cực phù hợp với xã hội mới; đồng bào tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác tôn giáo vừa quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng.

Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo.

Về chính sách tôn giáo, Đảng ta khẳng định: “Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của nhân dân”<sup>1</sup>.

### **3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam**

a) *Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch*

Chống phá cách mạng Việt Nam là âm mưu không bao giờ thay đổi của các thế lực thù địch. Hiện nay, chủ nghĩa đế quốc đang đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hoà bình” chống Việt Nam với phương châm lấy chống phá về chính trị, tư tưởng làm hàng đầu, kinh tế là mũi nhọn, ngoại giao làm hậu thuẫn, tôn giáo, dân tộc làm ngòi nổ, kết hợp với bạo loạn lật đổ, uy hiếp, răn đe, gây sức ép về quân sự.

Như vậy, vấn đề dân tộc, tôn giáo là một trong những lĩnh vực trọng yếu mà các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá cách mạng, cùng với việc lợi dụng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng để chuyển hoá chế độ xã hội chủ nghĩa ở

Việt Nam; xoá vai trò lãnh đạo của Đảng với toàn xã hội, thực hiện âm mưu “không đánh mà thắng”.

Để thực hiện âm mưu chủ đạo đó, chúng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm các mục tiêu cụ thể sau:

Trực tiếp phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ dân tộc đa số với dân tộc thiểu số và giữa các dân tộc thiểu số với nhau, chia rẽ đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, giữa đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, hòng làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

Kích động các dân tộc thiểu số, tìn đồ chức sắc các tôn giáo chống lại chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước; đối lập các dân tộc, các tôn giáo với sự lãnh đạo của Đảng nhằm xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; vô hiệu hoá sự quản lí của Nhà nước đối với các lĩnh vực đời sống xã hội, gây mất ổn định chính trị - xã hội, nhất là vùng dân tộc, tôn giáo. Coi tôn giáo là lực lượng đối trọng với Đảng, nhà nước ta, nên chúng thường xuyên hậu thuẫn, hỗ trợ về vật chất, tinh thần để các phần tử chống đối trong các dân tộc, tôn giáo chống đối Đảng, Nhà nước, chuyển hoá chế độ chính trị ở Việt Nam.

Chúng tạo dựng các tổ chức phản động trong các dân tộc thiểu số, các tôn giáo như Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Hội thánh Tin Lành Đê Ga, Nhà nước Đê Ga độc lập, Mặt trận giải phóng Khome Crôm, Mặt trận Chămpa để tiếp tục chống phá cách mạng Việt Nam.

*b) Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch*

Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch rất thâm độc, tinh vi, xảo trá, đê tiện để làm cho người ta tin và làm theo. Chúng thường sử dụng chiêu bài “nhân quyền”, “dân chủ”, “tự do”; những vấn đề lịch sử để lại; những đặc điểm văn hoá, tâm lí của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo; những khó khăn trong đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc, các tôn giáo; những thiếu sót trong thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta để chống phá cách mạng Việt Nam.

Thủ đoạn đó được biểu hiện cụ thể ở các dạng sau :

*Một là*, chúng tìm mọi cách xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước ta, mà trực tiếp là quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta. Chúng lợi dụng những thiếu sót, sai lầm trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo để gây mâu thuẫn, tạo có can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

*Hai là*, chúng lợi dụng những vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, li khai; kích động, chia rẽ quan hệ lương - giáo và giữa các tôn giáo hòng làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

*Ba là*, chúng tập trung phá hoại các cơ sở kinh tế xã hội; mua chuộc, lôi kéo, ép buộc đồng bào các dân tộc, tôn giáo chống đối chính quyền, vượt biên trái phép, gây mất ổn định chính trị - xã hội, bạo loạn, tạo các điểm nóng để vu khống Việt Nam đàn áp các dân tộc, các tôn giáo vi phạm dân chủ, nhân quyền để cô lập, làm suy yếu cách mạng Việt Nam.

*Bốn là*, chúng tìm mọi cách để xây dựng, nuôi dưỡng các tổ chức phản động người Việt Nam ở nước ngoài; tập hợp, tài trợ, chỉ đạo lực lượng phản động trong các dân tộc, các tôn giáo ở trong nước hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam như: truyền đạo trái phép để “tôn giáo hoá” các vùng dân tộc, lôi kéo, tranh giành đồng bào dân tộc, gây đối trọng với Đảng, chính quyền. Điển hình là các vụ bạo loạn ở Tây Nguyên năm 2001, 2004, việc truyền đạo Tin Lành trái phép vào các vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc, Tây Nguyên.

Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch rất nham hiểm. Tuy nhiên, âm mưu thủ đoạn đó của chúng có thực hiện được hay không thì không phụ thuộc hoàn toàn vào chúng, mà chủ yếu phụ thuộc vào tinh thần cảnh giác, khả năng ngăn chặn, sự chủ động tiến công của chúng ta.

*c) Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch*

Để vô hiệu hoá sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam của các thế lực thù địch thì giải pháp chung cơ bản nhất là thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế - xã hội, mà trực tiếp là chính sách dân tộc, tôn giáo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc, các tôn giáo, củng cố xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hiện nay, cần tập trung vào những *giải pháp cơ bản, cụ thể* sau :

*Một là*, ra sức tuyên truyền, quán triệt quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; về âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch cho toàn dân. Đây là giải pháp đầu tiên, rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở nâng cao nhận thức, tư tưởng của cả hệ thống chính trị, của toàn dân mà trực tiếp là của đồng bào các dân tộc, tôn giáo về các nội dung trên, thì chúng ta mới thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, vô hiệu hoá được sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch.

Nội dung tuyên truyền giáo dục phải mang tính toàn diện, tổng hợp. Hiện nay cần tập trung vào phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc, tôn giáo, chính sách dân tộc, tôn giáo cho đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Phổ biến pháp luật và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của nhà nước, khơi dậy lòng tự tôn tự hào dân tộc, truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để đồng bào hiểu rõ âm mưu thủ đoạn chia rẽ dân tộc, tôn giáo, lương giáo của các thế lực thù địch, để đồng bào đề cao cảnh giác không bị chúng lừa gạt lôi kéo lợi dụng. Vận động đồng bào các dân tộc, tôn giáo đạo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, thực hiện đúng chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo.

*Hai là*, tăng cường xây dựng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị- xã hội. Đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nội lực, tạo nên sức đề kháng trước mọi âm mưu thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù. Cần tuân thủ những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải dựa

trên nền tảng khối liên minh công - nông - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện đại đoàn kết phải rộng rãi, lâu dài. Mở rộng, đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Kiên quyết đấu tranh loại trừ nguy cơ phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Riêng đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, trước tiên cần phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, các tôn giáo. Chống kì thị chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan, tự ti mặc cảm dân tộc, tôn giáo. Chủ động giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các vùng dân tộc, tôn giáo, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia. Đây là tiền đề quan trọng để vô hiệu hoá sự chống phá của kẻ thù.

*Ba là*, chăm lo nâng cao đời sống vật chất tinh thần của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo. Đây cũng là một trong những giải pháp quan trọng, xét đến cùng có ý nghĩa nền tảng để vô hiệu hoá sự lợi dụng của kẻ thù. Khi đời sống vật chất, tinh thần được nâng cao, đồng bào sẽ đoàn kết, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ công dân thì không kẻ thù nào có thể lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam.

Bởi vậy, phải đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả các chương trình, dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội miền núi vùng dân tộc, vùng tôn giáo tạo mọi điều kiện giúp đỡ đồng bào các dân tộc, các tôn giáo nhanh chóng xoá đói giảm nghèo nâng cao dân trí, sức khoẻ, bảo vệ bản sắc văn hoá các dân tộc. Khắc phục sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc, các tôn giáo; sự kì thị, chia rẽ dân tộc, tôn giáo. Thực hiện bình đẳng đoàn kết các dân tộc các tôn giáo phải bằng các những hành động thiết thực cụ thể như: ưu tiên đầu tư sức lực tiền của giúp đồng bào phát triển sản xuất.

*Bốn là*, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị; của những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo tham gia vào phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch. Tích cực xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng dân tộc, vùng tôn giáo. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ cả cán bộ lãnh đạo quản lí và cán bộ chuyên môn kĩ thuật, giáo viên là người dân tộc thiểu số, người có tôn giáo Bởi đây là đội ngũ cán bộ sở tại có rất nhiều lợi thế trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo. Đổi mới công tác dân vận vùng dân tộc, tôn giáo theo phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, vững chắc; sử dụng nhiều phương pháp phù hợp với đặc thù từng dân tộc, từng tôn giáo.

*Năm là*, chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng của các thế lực thù địch; kịp thời giải quyết tốt các điểm nóng. Cần thường xuyên vạch trần bộ mặt phản động của kẻ thù để nhân dân nhận rõ và không bị lừa bịp. Đồng thời, vận động, bảo vệ đồng bào các dân tộc, tôn giáo để đồng bào tự vạch mặt bọn xấu cùng những thủ đoạn xảo trá của chúng. Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong cuộc đấu tranh này.

Kịp thời chủ động giải quyết tốt các điểm nóng liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo. Chủ động, kịp thời phát hiện, dập tắt mọi âm mưu, hành động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo kích động lôi kéo đồng bào gây bạo loạn. Khi xuất hiện điểm nóng, cần tìm rõ nguyên nhân, biện pháp giải quyết kịp thời, không để lan rộng, không để kẻ thù lấy cớ can thiệp; xử lý nghiêm minh theo pháp luật những kẻ cầm đầu, ngoan cố chống phá cách mạng. Đồng thời, kiên trì thuyết phục vận động những người nhẹ dạ, cả tin nghe theo kẻ xấu quay về với cộng đồng; đối xử khoan hồng, độ lượng, bình đẳng với những người lầm lỗi đã ăn năn hối cải, phục thiện.

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề dân tộc ?
2. Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo ?
3. Âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch ?
4. Những giải pháp cơ bản đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch ?

## **BÀI 3 PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

#### **1. Khái niệm, vai trò và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**

##### **1.1. Khái niệm, vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường**

###### **a. Khái niệm:**

Pháp luật về bảo vệ môi trường là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

- Bảo vệ môi trường là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với phương châm lấy phòng ngừa và ngăn chặn làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Để bảo vệ môi trường, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự buộc các cá nhân, tổ chức phải tuân thủ khi tham gia khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường như vai trò, trách nhiệm của các chủ thể; quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong việc khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường; quy định các biện pháp bảo vệ môi trường cũng như quy định các chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

###### **b. Vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường**

- Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường.

Môi trường vừa là điều kiện sống, vừa là đối tượng tác động hàng ngày của con người. Sự tác động đó làm thay đổi rất nhiều hiện trạng của môi trường theo chiều hướng làm suy thoái môi trường, chính vì lý do đó mà con người cần phải có ý thức trách nhiệm trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường có tính định hướng. Pháp luật với tư cách là công cụ điều tiết các hành vi của các thành viên trong xã hội có tác dụng rất to lớn trong việc định hướng quá trình khai thác và sử dụng môi trường. Các chế định hay điều luật cụ thể quy định những quy tắc xử sự buộc mỗi cá nhân, tổ chức phải tuân theo những quy định đó.

- Pháp luật xây dựng hệ thống các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường.

Các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường này thực chất là những quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật (dựa trên các thông số môi trường cụ thể đất, nước, không khí,...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành bằng các văn bản pháp lý nên chúng trở thành tiêu chuẩn pháp lý (có tính bắt buộc áp dụng) mà các cá nhân, tổ chức trong xã hội phải tuân thủ nghiêm ngặt khi khai thác, sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường. Các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường là cơ sở pháp lý cho việc xác định có vi phạm pháp luật về môi trường hay không, đồng thời cũng là cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi cụ thể về môi trường.

- Pháp luật quy định các chế tài hình sự, kinh tế, hành chính, dân sự buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

Việc xây dựng và đưa ra các tiêu chuẩn để định hướng quá trình khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, trong thực tế không phải tất cả các quy tắc, các tiêu chuẩn được quy định đều được tuân thủ một cách nghiêm túc và triệt để. Quá trình tham gia khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường, con người thường có xu hướng vi phạm vào các tiêu chuẩn đó ở các mức độ khác nhau, tùy theo tính chất mức độ nhưng có xu hướng ngày càng đa dạng về hành vi, nghiêm trọng về hậu quả tác hại. nếu ở đó có sự hiện diện mâu thuẫn giữa nhu cầu bức bách của cuộc sống và yêu cầu bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, bằng các chế tài hình sự, hành chính, dân sự, kinh tế.. pháp luật đã tác động đến những hành vi vi phạm. Các chế tài này hoặc cách ly những kẻ vi phạm nguy hiểm ra khỏi đời sống xã hội (tội phạm) hoặc bị áp dụng những hậu quả vật chất, tinh thần đối với họ. Những chế tài này được sử dụng trong lĩnh vực BVMT vừa có tác dụng ngăn chặn các hành vi vi phạm vừa có tác dụng giáo dục công dân tôn trọng pháp luật BVMT.

- Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường.

Bảo vệ môi trường là một công việc rất khó khăn và phức tạp, các thành phần của môi trường rất phức tạp, có kết cấu đa dạng và phạm vi rộng mà một cơ quan, tổ chức hay cá nhân không thể bảo vệ hoặc kiểm soát được mà đòi hỏi phải có một hệ thống các cơ quan thích hợp. Pháp luật có tác dụng rất lớn trong việc tạo ra cơ chế hoạt động hiệu quả cho các tổ chức bảo vệ môi trường. Cụ thể là thông qua pháp luật, Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trong công tác bảo vệ môi trường.

- Giải quyết các tranh chấp liên quan đến bảo vệ môi trường: Trong quá trình khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường thì giữa các cá nhân, tổ chức có thể xảy ra những tranh chấp. Các tranh chấp đó có thể là giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với doanh nghiệp; giữa cá nhân, doanh nghiệp với Nhà nước... và pháp luật với tư cách là “hệ thống các quy phạm điều chỉnh hành vi xử sự” sẽ giải quyết các tranh chấp đó trên cơ sở những quy định đã được ban hành.



## **1.2. Quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Pháp luật về tổ chức, quản lý các hoạt động bảo vệ môi trường
- + Hiến pháp (1980, 1992, 2013) quy định về công tác bảo vệ môi trường
- + Luật, Pháp lệnh quy định về bảo vệ môi trường
- + Nghị định, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
- + Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp về công tác bảo vệ môi trường
- Pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
- + Xử lý hình sự
- + Xử lý vi phạm hành chính
- + Xử lý trách nhiệm dân sự trong bảo vệ môi trường

## **2. Khái niệm, dấu hiệu của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

### **2.1. Khái niệm**

a. *Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm đến các thành phần của môi trường làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật, mà theo quy định phải bị xử lý hình sự.*

- Thứ nhất, tội phạm về môi trường trước hết phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có tác động tiêu cực và gây tổn hại ở mức độ đáng kể đến các yếu tố của môi trường, tài nguyên gây thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của con người, đến sự sống của động vật, thực vật sống trong môi trường đó.

- Thứ hai, tội phạm về môi trường phải xâm hại đến các quan hệ được luật hình sự bảo vệ. Đó là sự trong sạch, tính tự nhiên của các thành phần môi trường, sự cân bằng sinh thái, tính đa dạng sinh học,... tạo nên điều kiện sống, tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

Ngoài ra, để phân biệt tội phạm về môi trường với các loại tội phạm khác cần dựa vào yếu tố môi trường. Sự khác biệt đó thể hiện, tội phạm về môi trường tác động đến các thành phần của môi trường dẫn đến làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường hoặc xâm phạm đến quyền con người được sống trong môi trường trong lành.

b. *Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.*

### **2.2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật về môi trường**

#### **a. Dấu hiệu pháp lý của tội phạm về môi trường**

Tội phạm về môi trường được quy định tại Chương 19 - Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) bao gồm 12 tội danh được quy định từ Điều 235 đến điều 246. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm về môi trường được thể hiện dưới 4 yếu tố cấu thành tội phạm sau đây:

- Khách thể của tội phạm

Khách thể của các tội phạm về môi trường là sự xâm phạm vào các quy định của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường, xâm phạm vào sự trong sạch, tính tự nhiên của môi trường thiên nhiên vượt quá mức giới hạn cho phép, xâm phạm vào sự ổn định của môi trường sống gây ảnh hưởng hoặc làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của con người và các loài sinh vật.

Đối tượng tác động của các tội phạm về môi trường chủ yếu là các thành phần môi trường như đất, nước, không khí, hệ sinh thái, đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, các loài động vật, thực vật sống trong môi trường tự nhiên. Ngoài ra trong một số tội danh, đối tượng tác động của tội phạm về môi trường còn trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người hoặc gây thiệt hại về tài sản như Điều 237, Điều 238 BLHS hiện hành.

- Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của các tội phạm về môi trường được thể hiện bởi những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Hầu hết các tội phạm về môi trường có cấu thành tội phạm (CTTP) vật chất.

+ Nhóm các hành vi gây ô nhiễm môi trường (quy định tại các điều 235, 236, 237, 239 Bộ luật hình sự hiện hành): đây là các hành vi chôn, lấp, đổ, thải, xả thải trái pháp luật các chất thải ra môi trường (đất, nước, không khí, ...); cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật về chất thải nguy hại; vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam.

+ Nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên, môi trường (quy định tại các điều 238, 242, 243, 244, 245, 246 - Bộ luật hình sự hiện hành)

- Chủ thể của tội phạm

+ Về cá nhân, đa số các tội phạm về môi trường được thực hiện bởi chủ thể là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo qui định của Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó cũng có tội phạm được thực hiện bởi chủ thể đặc biệt là người có chức vụ quyền hạn.

+ Về pháp nhân thương mại phải đảm bảo các quy định: được thành lập hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự, luật khác có liên quan; có cơ cấu tổ chức theo quy định của bộ luật dân sự; có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập; có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Bộ luật Hình sự.

- Mặt chủ quan của tội phạm

Các tội phạm về môi trường được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý. Hầu hết tội phạm về môi trường thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lỗi cố ý. Có nghĩa là chủ thể thực hiện tội phạm nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và sẽ gây ra hậu quả nhất định cho xã hội, nhưng vẫn thực hiện hành vi. Động cơ, mục đích phạm tội đa dạng, nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của các tội phạm về môi trường.

b. Dấu hiệu của vi phạm hành chính về môi trường

- Về chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

+ Đối với cá nhân, người vi phạm phải có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật.

+ Đối với tổ chức vi phạm phải có tư cách pháp nhân, nghĩa là các tổ chức này được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản độc lập đó, đồng thời được nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

- Về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

+ Hành vi vi phạm các quy định về cam kết bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường;

+ Hành vi gây ô nhiễm môi trường; Hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải;

+ Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học;

+ Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên;

+ Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;

+ Hành vi vi phạm về đa dạng sinh học bao gồm: Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên;

+ Hành vi vi phạm các quy định về Bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật và bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền;

+ Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, kiểm tra, phối hợp thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính;

+ Các vi phạm quy định khác về bảo vệ môi trường.

- Hình thức lỗi: Các chủ thể thực hiện hành vi vi phạm bởi lỗi cố ý hoặc vô ý. Tuy nhiên, vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường chủ yếu được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý. Các tổ chức, cá nhân nhận thức được hành vi của mình xâm phạm đến môi trường nhưng vẫn cố ý thực hiện.

- Hình thức xử lý: Hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hành chính bao gồm phạt tiền, cảnh cáo, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính khác.

### **3. Nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về môi trường**

#### **3.1. Nguyên nhân, điều kiện khách quan**

*Sự phát triển “quá nhanh” và “nóng” của kinh tế - xã hội không tính đến yếu tố bảo vệ môi trường của các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội là một trong những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm môi trường và là mảnh đất tốt để tội phạm môi trường phát triển.*

a. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường.

- Đất nước ta trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thu hút đầu tư với nhiều chính sách ưu đãi, nhập khẩu máy móc, phương tiện, thiết bị phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhưng công tác kiểm tra, kiểm soát và quản lý xuất nhập khẩu chưa chặt chẽ để các đối tượng lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

- Việc mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo điều kiện phát triển cho các ngành công nghiệp, khai thác khoáng sản, xuất nhập khẩu, sản xuất hàng hóa sẽ có điều kiện phát triển, song cũng sẽ phải đối mặt với một thách thức đó là các hành vi gây ô nhiễm, huỷ hoại môi trường, khai thác cạn kiệt tài nguyên môi trường, vi phạm các chế độ về BVMT, đặc biệt đối với các hành vi vận chuyển chất thải nguy hại, phóng xạ trái phép qua biên giới, xả thải không qua xử lý ra môi trường... với tính chất, mức độ ngày càng phức tạp và đa dạng. Các doanh nghiệp nước ngoài sẽ lợi dụng những hạn chế trong công tác quản lý môi trường, sơ hở của pháp luật, thiếu kinh nghiệm, non kém về kiến thức khoa học - kỹ

thuật hoặc lợi dụng những cán bộ thoái hóa biến chất ký cấp phép các dự án mà không chú trọng các cam kết bảo vệ môi trường.

b. Áp lực tăng trưởng kinh tế, các cơ quan ở địa phương mới chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế trước mắt, chưa chú trọng đúng mức đến công tác bảo vệ môi trường, thậm chí nhận thức không đầy đủ về công tác BVMT đã kêu gọi đầu tư dàn trải, cấp phép kinh doanh ồ ạt, không quan tâm đến việc thẩm định ảnh hưởng của các dự án đối với môi trường. Bên cạnh đó, việc giải quyết “mâu thuẫn” giữa phát triển tăng trưởng kinh tế, đảm bảo công ăn việc làm, an sinh xã hội với công tác BVMT là một “bài toán” hết sức nan giải chưa thể giải quyết một sớm một chiều đối với nhiều cấp, nhiều ngành.

c. Công tác quản lý nhà nước về môi trường

Việc phân định chức năng quản lý nhà nước và phân công trách nhiệm giữa các Bộ, ban ngành trong công tác bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ các thành phần môi trường nói riêng còn chồng chéo, trùng lặp về chức năng nhiệm vụ hoặc mỗi một Bộ lại quản lý một khâu, một hoạt động nên việc thống nhất quản lý xuyên suốt có sơ hở, để cho các đối tượng lợi dụng thực hiện tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường. Một số bất cập công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường:

- Quản lý nhà nước đối với nước thải
- Quản lý nhà nước đối với chất thải rắn (CTR)
- Quản lý nhà nước đối với môi trường không khí
- Thẩm định công nghệ môi trường
- Ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường

d. Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu và chưa đồng bộ

Văn bản pháp luật về môi trường hiện nay đang trong giai đoạn xây dựng, bổ sung và hoàn thiện. Hệ thống các văn bản pháp luật về môi trường hiện nay “vừa thiếu lại vừa thừa”. Thiếu những văn bản pháp quy mang tính thống nhất và có hiệu lực cao. Nhiều văn bản pháp luật còn chồng chéo, trùng lặp. Trong khi đó, thiếu các Thông tư hướng dẫn thực hiện dẫn đến khó khăn cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ.

### **3.2. Nguyên nhân, điều kiện chủ quan**

a. Nhận thức

- Của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chưa cao,  
- Ý thức BVMT của các cơ quan, doanh nghiệp và công dân còn kém, chưa tự giác, vấn đề bảo vệ môi trường chưa được quan tâm chú trọng đúng mức.

- Chính quyền các cấp, các ngành chỉ chú trọng phát triển kinh tế chưa coi trọng công tác bảo vệ môi trường; thực hiện các biện pháp thu hút đầu tư, cấp phép dự án nhưng chưa quan tâm chỉ đạo thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, đầu tư hệ thống hạ tầng đảm bảo cho công tác xử lý chất thải, rác thải.

b. Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trước hết đó là những tồn tại, thiếu sót của lực lượng trực tiếp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Đội ngũ cán bộ chiến sỹ trực tiếp đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu, chưa đủ biên chế ở các cấp Công an, dẫn đến công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng có điều kiện, khả năng phạm tội về môi trường còn có những thiếu sót, bất cập, một số địa bàn còn bỏ trống, đối tượng đi đâu, làm gì chưa nắm bắt. Vì vậy, dẫn đến các hành vi vi phạm hành chính về môi trường ngay từ ban đầu còn chưa kịp thời phát hiện, giải quyết triệt để đã trở thành tội phạm.

+ Bên cạnh đó, một số cán bộ trong lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn yếu về năng lực nghiệp vụ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác phòng, chống

tội phạm môi trường thời kỳ hội nhập, thời kỳ CNH-HĐH. Phần lớn cán bộ trong lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn thiếu các kiến thức chuyên sâu về môi trường, đặc biệt là trong các lĩnh vực quản lý môi trường, công nghệ môi trường, xử lý chất thải. Một số được tuyển dụng từ ngành ngoài vào, có kiến thức về môi trường song lại hạn chế về năng lực nghiệp vụ, dẫn đến những bất cập trong phát hiện, xử lý các hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Công tác quản lý địa bàn, lĩnh vực trọng điểm, quản lý đối tượng có biểu hiện vi phạm pháp luật về môi trường của lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn chưa tốt. Các đối tượng có biểu hiện vi phạm pháp luật về môi trường còn có điều kiện để lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm.

+ Trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cho lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn của công tác đấu tranh đòi hỏi như về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ phương tiện công tác cũng các điều kiện làm việc chưa được đảm bảo... đây là các điều kiện yếu tố có tác động trực tiếp đến sự tồn tại, phát sinh, phát triển của các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trong giai đoạn hiện nay.

- Các cơ quan chức năng có liên quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường như: Bộ Tài nguyên & Môi trường, Hải quan, Kiểm lâm, quản lý thị trường, Thanh tra của ngành y tế, xây dựng,... còn chưa làm hết chức năng của mình trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, còn cho đó là nhiệm vụ của cơ quan Công an, chưa phát huy hết trách nhiệm của mình trong phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường.

- Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong phòng, chống tội phạm về môi trường còn chưa tốt, chưa xây dựng được cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, việc phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chưa đồng bộ, chưa thường xuyên.

Tóm lại: Những tồn tại, thiếu sót nêu trên của các cơ quan chức năng là những điều kiện thuận lợi cho tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường tồn tại và phát triển. Do đó, cần chăm lo xây dựng lực lượng chuyên trách đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường vững mạnh, giỏi về pháp luật, tinh thông về nghiệp vụ chuyên môn, có mối quan hệ chặt chẽ với các lực lượng có liên quan sẽ có ý nghĩa quan trọng trong công tác phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn tội phạm, vi phạm pháp luật khác về môi trường, góp phần quan trọng vào công tác đảm bảo an ninh trật tự và phát triển bền vững của đất nước.

### ***3.3. Nguyên nhân thuộc về phía đối tượng vi phạm***

a. Vi phạm pháp luật về môi trường nói chung phần lớn đều có động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, đặc biệt là đối tượng phạm tội về môi trường.

- Hầu hết các tội phạm cụ thể trong lĩnh vực môi trường đều có động cơ, mục đích vụ lợi, đều nhằm mục đích thu lợi bất chính về kinh tế.

- Các đối tượng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong từng lĩnh vực cụ thể nhằm mục đích làm sao để kiếm được nhiều lợi nhuận nhất và chi phí bỏ ra ít nhất như trong các lĩnh vực gây ô nhiễm, suy thoái môi trường.

- Phần lớn các đối tượng đều biết song do chi phí cho xử lý chất thải thường tốn kém nên giá thành sản phẩm sẽ cao, không cạnh tranh được trên thị trường nên các đối tượng không đầu tư, chấp nhận bị xử phạt còn rẻ hơn là đầu tư xử lý chất thải.

b. Ý thức coi thường pháp luật, sống thiếu kỷ cương không tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực xã hội cùng với việc ý thức sai lệch về cách thỏa mãn nhu cầu cá nhân là yếu tố chủ quan dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng.

- Do đó, việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho mọi người về công tác bảo vệ môi trường, về ý thức tuân thủ pháp luật cũng như những chuẩn

mục của cuộc sống sẽ góp phần quan trọng vào phòng , chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay.

## **II. Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

### **1. Khái niệm, đặc điểm**

#### **1.1. Khái niệm**

a. Khái niệm : *Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp, phương tiện nhằm ngăn chặn, hạn chế tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện, loại trừ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; khi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra thì hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả tác hại, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.*

- Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả tội phạm và vi phạm hành chính) là thuật ngữ được sử dụng tương đối phổ biến trong xã hội, được nhìn nhận và đánh giá từ nhiều góc độ, phạm vi khác nhau.

Nhưng nhìn chung nó hàm chứa các nội dung liên quan đến các biện pháp nhằm loại trừ các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường; phát hiện, ngăn chặn tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường cũng như tiến hành điều tra, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường nhằm hạn chế hậu quả tác hại do các hành vi này gây ra cho xã hội.

- Từ nhận thức như trên có thể thấy: phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cũng có đặc trưng chung của hoạt động phòng, chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nói chung, đó là tiến hành có hệ thống các biện pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế không để vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra, đảm bảo môi trường không bị ô nhiễm, suy thoái, đồng thời đảm bảo kịp thời các hoạt động điều tra, xử lý người có hành vi phạm tội hoặc vi phạm hành chính để giáo dục, cải tạo họ tiến bộ, trở thành công dân có ích cho xã hội, tôn trọng pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa.

- Chủ thể tiến hành phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là cơ quan, tổ chức xã hội và mọi công dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công sẽ tác động vào các yếu tố làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường để kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn không để cho tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra cũng như tiến hành các biện pháp điều tra, xử lý để răn đe, giáo dục và cảm hóa họ trở thành người có ích cho xã hội.

#### **1.2. Đặc điểm**

a. Chủ thể tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất đa dạng. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để tiến hành các hoạt động phòng ngừa cũng như điều tra, xử lý phù hợp.

b. Biện pháp tiến hành phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ, có sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp phòng ngừa (phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn) với các biện pháp điều tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (cả tội phạm và vi phạm hành chính).

c. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng các công cụ phương tiện nghiệp vụ và ứng dụng tiên bộ của khoa học công nghệ.

d. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể tham trên cơ sở chức năng, quyền hạn được phân công.

## **2. Nội dung, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

### **2.1. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Nắm tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nghiên cứu làm rõ những vấn đề có tính quy luật trong hoạt động vi phạm pháp luật của các đối tượng.

- Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra trong từng thời gian (từng quý, năm) trên từng địa bàn cụ thể gắn với lĩnh vực công tác chuyên môn;

- Các loại vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra phổ biến (tội phạm ha vi phạm hành chính; các hành vi vi phạm cụ thể về gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại tài nguyên, môi trường, làm lây lan dịch bệnh,...);

- Lĩnh vực xảy ra nhiều là những lĩnh vực nào;

- Đối tượng gây ra các vụ vi phạm thuộc loại người nào trong xã hội quốc tịch, dân tộc (nhân thân của đối tượng); các pháp nhân thương mại nào là chủ yếu (công ty cổ phần, công ty TNHH, các cơ sở sản xuất, kinh doanh có đăng ký pháp nhân,...)

- Phương thức, thủ đoạn hoạt động; Hậu quả, tác hại gây ra cho xã hội và cho nhân dân...

b. Xác định và làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Tiến hành nghiên cứu tìm ra những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay và nguyên nhân, điều kiện của từng loại vi phạm cụ thể, từng vụ việc vi phạm cụ thể. Xác định rõ các nguyên nhân và điều kiện thuộc ngành nào, lĩnh vực nào cụ thể. Trên cơ sở đó, cần kiến nghị với các ngành, các cấp và trực tiếp tiến hành bịt kín những sơ hở thiếu sót, những hiện tượng tiêu cực làm phát sinh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

c. Xây dựng các kế hoạch, biện pháp, các giải pháp chủ động hạn chế các nguyên nhân, khắc phục các điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nội dung này đòi hỏi các cơ quan, tổ chức phải xây dựng các phương án, các kế hoạch cụ thể, những giải pháp để phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong đó phải xác định rõ những công việc phải làm trước mắt, những việc phải làm lâu dài, các lực lượng tham gia hỗ trợ, các biện pháp cụ thể sẽ sử dụng,...

d. Tổ chức lực lượng tiến hành các hoạt động khắc phục các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm về môi trường, từng bước kiểm chế, đẩy lùi tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đây là nội dung cụ thể đòi hỏi các lực lượng, cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện các phương án, kế hoạch đã đề ra.

Huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, các đoàn thể, các tổ chức quần chúng tham gia vào cuộc đấu tranh.

Trong đó lực lượng Công an là lực lượng chủ công, nòng cốt, xung kích sử dụng đồng bộ các biện pháp bao gồm các biện pháp chung của toàn xã hội và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn của mình để đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực xã hội là nguyên nhân nảy sinh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở từng lĩnh vực, trên từng địa bàn nhằm hạn chế sự gia tăng tội phạm về môi trường, tiến tới loại trừ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ra khỏi đời sống xã hội trong tương lai.

e. Tiến hành các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Khi tội phạm về môi trường xảy ra, căn cứ vào tính chất mức độ, mức độ của hành vi phạm tội mà các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án,...) sẽ tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Đối với các vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường tùy theo cơ quan chuyên môn nào phát hiện (Công an, Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường, Hải Quan, Kiểm lâm,...) sẽ tiến hành xử lý hành chính theo thẩm quyền.

## **2.2. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

### **a. Các biện pháp phòng, chống chung:**

- Biện pháp tổ chức - hành chính: Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường, các chủ thể tham gia bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực các cơ quan nhà nước, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trong bảo vệ môi trường; thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường...;

- Biện pháp kinh tế: Biện pháp này chủ yếu dùng các lợi ích vật chất để kích thích chủ thể thực hiện những hoạt động có lợi cho môi trường, bảo vệ môi trường và ngược lại xử lý, hạn chế lợi ích kinh tế của chủ thể vi phạm;

- Biện pháp khoa học - công nghệ: Là ứng dụng các biện pháp khoa học công nghệ vào giải quyết những vấn đề môi trường;

- Biện pháp tuyên truyền, giáo dục: là giáo dục, tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường;

- Biện pháp pháp luật là biện pháp xây dựng các quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến việc bảo vệ môi trường.

### **b. Các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cụ thể:**

- Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan, ban ngành có liên quan trong đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Tham mưu về nội dung của công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như trong việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội, phát triển bền vững gắn với công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo cho sự trong lành của môi trường sống, an sinh xã hội.

Thể hiện ở các phương diện như: tham mưu cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản pháp luật về môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường. Trong đó, tập trung nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, đoàn thể và của công dân trong công tác bảo vệ môi trường; những khuyến cáo cần thực hiện trong đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Tham mưu cho các cơ quan chức năng có liên quan về phương pháp, cách thức tổ chức các hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, theo chức năng nhiệm vụ của ngành đó như: cách thức tổ chức các hoạt động phòng ngừa, phương pháp huy động lực lượng, phương tiện tham gia vào công tác phòng chống, các hình thức phát động quần chúng tham gia vào phòng, chống... gắn với việc thực hiện các phong trào, công tác chuyên môn của các cơ quan ban ngành đó.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành các hoạt động tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân về ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Trên cơ sở đó đề xuất quần chúng nhân dân tự giác tham gia vào phòng ngừa và đấu tranh.

+ Tuyên truyền cho quần chúng nhân dân thấy được hậu quả trước mắt cũng như lâu dài do các hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên gây ra cho



xã hội và cho nhân dân, những ảnh hưởng nặng nề cho đời sống xã hội hiện tại và tương lai. Trên cơ sở đó để quần chúng nhân dân không có các hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Tuyên truyền cho mọi người trong xã hội thấy được phương thức thủ đoạn hoạt động của tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, để quần chúng nhân dân cảnh giác không bị lôi kéo vào các hoạt động phạm tội; chủ động phát hiện và báo cho cơ quan chức năng (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm lâm, Hải quan,...) biết các hành vi vi phạm, đối tượng nghi vấn có liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường, có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

+ Tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nắm được những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và phòng, chống tội phạm về môi trường.

Về hình thức tuyên truyền, lực lượng Cảnh sát môi trường có thể trực tiếp tiến hành các hoạt động tuyên truyền thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề hoặc qua các hội nghị.

Hình thức về chuyên đề bảo vệ môi trường có thể phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, các loại báo viết, ... hoặc thông qua nhà trường để có các nội dung tuyên truyền phù hợp; có sự phối hợp với các cơ quan văn hóa trong kẻ vẽ pano, áp phích. Hoặc tiến hành sân khấu hóa các nội dung cần tuyên truyền. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về môi trường cho các thành viên trong xã hội. Tùy theo từng đối tượng cụ thể mà có các nội dung tuyên truyền, hình thức tuyên truyền cho phù hợp.

- Phối hợp với các lực lượng, các ngành có liên quan để vận động quần chúng tham gia tích cực vào hoạt động phòng, chống tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường và bảo vệ môi trường.

Tội phạm và vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đều là các hiện tượng tiêu cực xã hội, có nguyên nhân phát sinh bởi các nhân tố tiêu cực ngay trong xã hội. Vì vậy, để đấu tranh loại trừ hiện tượng tiêu cực xã hội này cần phải huy động được đông đảo lực lượng của toàn xã hội tham gia.

Muốn vậy, các cơ quan chuyên môn cần làm tốt công tác vận động quần chúng, tổ chức cho quần chúng tham gia một cách tự giác vào các tổ chức phù hợp để đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội về bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ môi trường.

+ Nội dung tổ chức vận động quần chúng tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường bao gồm:

Tổ chức cho quần chúng tham gia vào các tổ chức xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi người, mỗi vùng để thông qua đó vận động quần chúng tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường, có các hành vi xâm hại đến môi trường.

Vận động quần chúng tham gia phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội về bảo vệ môi trường cho cơ quan công an và các cơ quan chức năng để có biện pháp ngăn chặn, xử lý.

Vận động quần chúng tham gia vào việc quản lý, giám sát, giáo dục các đối tượng có điều kiện, khả năng, có biểu hiện nghi vấn phạm tội về môi trường, tác động để các đối tượng từ bỏ ý định phạm tội về môi trường trở thành người có ích cho xã hội.

Vận động, tổ chức cho quần chúng tham gia trực tiếp vào công tác đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật và phạm tội về môi trường phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi người như: Tham gia vào công tác kiểm điểm, giáo dục đối tượng, ngăn chặn hành vi phạm tội về môi trường.

+ Về hình thức tổ chức vận động quần chúng:

Phối hợp với các lực lượng có liên quan vận động quần chúng tham gia vào các hoạt động phòng ngừa tội phạm môi trường ở tại địa bàn cơ sở, nơi cư trú, cam kết thi đua giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, cam kết không vi phạm pháp luật về môi trường. Sử dụng những người có uy tín trong dòng họ, thôn xóm, khu phố, già làng, trưởng bản... để vận động quần chúng nhân dân ở địa bàn cơ sở tham gia vào công tác bảo vệ môi trường và đấu tranh chống các hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật về môi trường.

Tổ chức cho quần chúng tham gia vào các tổ chức xã hội phù hợp như: Tổ dân phố, các câu lạc bộ, các tổ chức của các học sinh trong các nhà trường để thực hiện các hoạt động: xây dựng khu phố văn minh, đường phố, thôn xóm xanh, sạch, đẹp... góp phần bảo vệ môi trường.

Sử dụng những người có uy tín để cảm hóa, giáo dục các đối tượng trong diện quản lý, tổ chức cho quần chúng tham gia kiểm điểm, giáo dục các đối tượng vi phạm; tổ chức tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng phạm tội, vi phạm pháp luật về môi trường đi cơ sở giáo dục, trại cải tạo trở về địa phương.

Phối hợp với lực lượng có liên quan xây dựng lực lượng nòng cốt ở cơ sở (thôn xóm, khối phố, bản làng) để thực hiện nhiệm vụ xung kích trong bảo vệ môi trường ở địa bàn cơ sở, giáo dục đối tượng thuộc diện giáo dục ở cơ sở, vận động đối tượng phạm tội về môi trường ra đầu thú, ngăn chặn các hành vi xâm hại trực tiếp đến môi trường.

Việc tổ chức vận động quần chúng tham gia vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, bảo vệ môi trường phải được tiến hành một cách thường xuyên, phải được lồng ghép vào việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đặc biệt là phải gắn giữa phát triển bền vững với bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó phải căn cứ vào từng đối tượng cụ thể để có các hình thức tổ chức vận động cụ thể phù hợp với điều kiện cụ thể của quần chúng, có như vậy mới phát huy được hiệu quả công tác vận động quần chúng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

- Sử dụng các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn để phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Các cơ quan chuyên môn như Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm Lâm, Hải Quan, Quản lý Thị trường,... trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình được sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để tiến các hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường một cách hiệu quả.

### **3. Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

#### **3.1. Chủ thể tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

Phòng ngừa tội phạm và VPPL khác về môi trường là một bộ phận của công tác BVMT có liên quan tới nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Do vậy, hoạt động này không phải là trách nhiệm của riêng một cơ quan hay tổ chức nào mà là trách nhiệm của toàn xã hội.

Trong Hiến pháp 2013, tại Điều 43, quy định: “Mọi người cảnh sát quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”; cũng tại Điều 63, khẳng định: “*Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại*”. Khoản 1, Điều 4, Luật BVMT 2014 quy định: “*Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ mọi của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân*”. Do vậy, để công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường đạt kết quả đòi hỏi phải có sự

chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, sự tham gia, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng của các cấp, các ngành và toàn xã hội, trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể. Theo đó, các chủ thể có trách nhiệm trong bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như sau:

a. Đảng lãnh đạo Nhà nước, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân tham gia vào phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thông qua việc hoạch định các chủ trương, chính sách, ban hành các văn bản hướng dẫn, nghị quyết, chỉ thị. Đảng lãnh đạo trực tiếp, nhiều mặt đối với các cơ quan trực tiếp phòng, chống tội phạm về môi trường như Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân...; Kiểm tra, giám sát, kịp thời uốn nắn nhằm khắc phục những sai sót, tồn tại, bất cập của công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

b. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp: Là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước và từng địa phương. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các Pháp lệnh, Nghị quyết về công tác bảo vệ môi trường trong đó có công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

c. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp: Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thống nhất quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước, ban hành các Nghị định, Nghị quyết, Quyết định,... về công tác bảo vệ môi trường. Trực tiếp tiến hành:

- Chỉ đạo và phân công, phân cấp cụ thể cho các Bộ, Ngành, các cơ quan đoàn thể xã hội trong phòng ngừa tội phạm và VPPL về BVMT;

- Đề ra các chế độ, chính sách, cung cấp kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tổ chức tiến hành hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Sử dụng các cơ quan chuyên trách trực thuộc phạm vi quản lý tiến hành các hoạt động phòng, chống tội phạm về môi trường (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, ...);

- Chỉ đạo tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường của các cơ quan do mình quản lý, kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cả về tổ chức và các văn bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm;

- Có chính sách, biện pháp nhằm động viên, huy động sức mạnh toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường...

- Nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và môi trường: Bộ Tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực, ban hành hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia làm tiêu chuẩn đánh giá, xác định môi trường phục vụ công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, trình Chính phủ quyết định chính sách, chiến lược, kế hoạch quốc gia về bảo vệ môi trường; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

d. Nhiệm vụ của Bộ Xây dựng:

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động xây dựng cơ bản, xử lý chất thải rắn trong phạm vi trách nhiệm quản lý.

e. Nhiệm vụ của Bộ Y tế:

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, ban hành quy chế quản lý chất thải y tế; công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế.

f. Nhiệm vụ của Bộ Thông tin truyền thông:

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Bộ phối hợp với các ngành liên quan thống nhất nội dung đầy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống tội phạm và VPPL khác về bảo vệ môi trường nói riêng và công tác bảo vệ môi trường nói chung.

g. Bộ Tư pháp:

Bộ Tư pháp nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về BVMT trong lĩnh vực y tế, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, vững chắc phục vụ công tác phòng ngừa VPPL môi trường.

h. Bộ Tài chính:

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn Tổng cục Hải Quan kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam có biểu hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

i. Các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân:

Các tổ chức xã hội gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên như Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Phụ nữ, ... là cơ sở chính trị vững chắc của Nhà nước có vị trí quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường nói chung, trong phòng, chống tội phạm và VPPL khác về môi trường nói riêng. Những tổ chức này phối hợp, hỗ trợ cho chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên trách soạn thảo, tham gia xây dựng kế hoạch phòng, chống tội phạm và VPPL khác về môi trường; trực tiếp tham gia thực hiện công tác phòng ngừa và tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, VPPL khác về môi trường.

j. Trách nhiệm hộ gia đình và công dân:

Thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân đã được Hiến pháp, pháp luật quy định về công tác bảo vệ môi trường; chủ động phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tham gia cảm hoá giáo dục người phạm tội, giáo dục các thành viên trong gia đình mình có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường...; tích cực hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan Nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật trong phát hiện, điều tra, xử lý các tội phạm về môi trường cũng như các hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường...

k. Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Công an, Viện kiểm sát, Toà án,...):

Cần chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm về môi trường, tham mưu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời để phòng ngừa tội phạm, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể là:

- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình trạng tội phạm và VPPL khác về môi trường; xác định nguyên nhân, điều kiện của nó, từ đó tham mưu, đề xuất, kiến nghị trong việc hoạch định các chính sách, áp dụng các biện pháp hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có hiệu quả;

- Sử dụng các biện pháp theo luật định và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng cụ thể để trực tiếp tiến hành phòng, chống tội phạm về môi trường;

- Làm lực lượng nòng cốt, xung kích trong việc phối hợp, hướng dẫn các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trong quá trình phòng, chống tội phạm về môi trường; Theo quy định thì Bộ Công an có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các VPPL khác về BVMT; phối hợp xây dựng các văn bản pháp luật về phòng ngừa tội phạm và BVMT; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác BVMT trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.

Trong các cơ quan bảo vệ pháp luật thì lực lượng CAND là lực lượng chính, tham gia trực tiếp, toàn diện vào phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Là lực lượng nòng cốt, xung kích trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân trong quá trình truy tố, xét xử phát hiện ra nguyên nhân điều kiện của tội phạm về môi trường, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục; phối hợp với lực lượng Công an trong điều tra, truy tố, xét xử, giáo dục, cảm hoá người phạm tội về môi trường.

### **3.2. Quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Tham mưu, đề xuất trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

b. Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản pháp luật, các nội quy, quy định, thiết chế về bảo vệ môi trường cũng như phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn, từng thời kỳ;

c. Tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện các chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

d. Tổ chức và phối hợp tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tiến hành vận động quần chúng tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

e. Phối hợp trong công tác nắm tình hình, trao đổi thông tin về tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật khác về môi trường; trong kiểm tra, xác minh các thông tin; huy động lực lượng, phương tiện tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

f. Phối hợp trong tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm; cảm hóa, giáo dục đối tượng phạm tội về môi trường,...

g. Phối hợp tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm trong phòng, chống tội phạm và các VPPL về môi trường;

h. Phối hợp trong các hoạt động hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường có yếu tố nước ngoài, xuyên quốc gia;

i. Thực hiện các yêu cầu phối hợp khác khi được phân công.

## **4. Trách nhiệm phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường của các nhà trường**

### **4.1. Trách nhiệm của nhà trường**

- Tổ chức học tập, nghiên cứu và tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn như ngành Tài nguyên và Môi trường, Công an (Cảnh sát môi trường), Thông tin truyền thông,... tổ chức các buổi tuyên truyền, tọa đàm trao đổi, các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tham gia tích cực và hưởng ứng các chương trình, hành động về bảo vệ môi trường do Nhà nước, các Bộ ngành phát động;

- Xây dựng các phong trào bảo vệ môi trường như: “Vi môi trường xanh - sạch - đẹp”, “Phòng, chống rác thải nhựa”,... và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về môi trường và pháp luật về bảo vệ môi trường trong nhà trường.

- Xây dựng đội tình nguyện vì môi trường, thành lập các câu lạc bộ vì môi trường và tiến hành thu gom, xử lý chất thải theo quy định (rác thải, nước thải,...).

#### **4.2. Trách nhiệm của sinh viên**

- Nắm vững các quy định của pháp luật phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Xây dựng ý thức trách nhiệm trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên (nước, năng lượng,...);
- Tham ra tích cực trong các phong trào về bảo vệ môi trường.
- Xây dựng văn hóa ứng xử, ý thức trách nhiệm với môi trường như sống thân thiện với môi trường xung quanh; tích cực trồng cây xanh;

### **BÀI 4**

## **PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG**

### **I. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

#### **1. Nhận thức về pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

##### **1.1. Khái niệm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

##### **1.2. Vai trò của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT là ý chí của Nhà nước để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm TTATGT.

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT là cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT, TTATXH.

##### **1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông TTATGT.**

- Các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan hành chính ở trung ương, địa phương, các cơ quan liên ngành, liên bộ ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

- Các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

#### **2. Nhận thức về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

##### **2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

Vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông có 2 dạng vi phạm: Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự (cấu thành các tội xâm phạm an toàn giao thông), cụ thể như sau:

a. Vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

b. Các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông mà theo quy định của Bộ Luật hình sự phải bị xử lý hình sự.

## **2.2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

a. Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

- Tính nguy hiểm cho xã hội.
- Tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.
- Tính có lỗi.
- Vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hành vi bị

xử phạt hành chính.

b. Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm an toàn giao thông:

- Khách thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông
- Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông
- Chủ thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông
- Mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

c. Tỷ lệ tai nạn giao thông theo độ tuổi (*Ủy ban ATGT Quốc gia*)

- Dưới 18 tuổi = 6%
- Từ 18 – 27 tuổi = 37%
- Từ 27 – 55 tuổi = 49%
- Từ 55 tuổi trở lên = 8%

## **2.3. Nguyên nhân, điều kiện của tình hình vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

a. Quản lý nhà nước về hoạt động giao thông còn nhiều yếu kém, hạn chế.

b. Sự không tương thích giữa các yếu tố cơ bản cấu thành hoạt động giao thông vận tải quốc gia.

c. Tác động tiêu cực của các yếu tố thiên nhiên, môi trường đối với người tham gia giao thông.

d. Nguyên nhân gây tai nạn giao thông (*Ủy ban ATGT Quốc gia*)

- Đi sai làn: 25%
- Phóng nhanh: 10%
- Vượt ẩu: 7%
- Sử dụng rượu bia: 5%
- Vi phạm tín hiệu giao thông: 11%
- Nguyên nhân khác: 42%

## **II. Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

### **1. Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

- Phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều hình thức, biện pháp hướng đến việc triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm và từng bước loại trừ vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông ra khỏi đời sống xã hội.

- Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật, tiến hành tổng hợp các biện pháp theo quy định để chủ động nắm tình hình, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện, từ đó áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

### **2. Chủ thể và mối quan hệ phối hợp trong thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

- Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.
- Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.
- Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án).
- Các tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng tự quản.
- Các cơ quan quản lý kinh tế, giao thông, văn hóa, giáo dục, dịch vụ, du lịch.
- Các Công dân.

### **3. Nội dung biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

- Tham mưu, đề xuất với Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương cụ thể.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho người dân.

- Tổ chức phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, gắn với vận động thực hiện phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”, đảm bảo huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, từng lực lượng theo quy định của pháp luật.

- Phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp tốt các ngành, các cấp, các lực lượng và các tổ chức xã hội trong việc thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

### **4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong nhà trường**

- Trách nhiệm của nhà trường.
- Trách nhiệm của sinh viên.

## **BÀI 5**

### **PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC**

#### **I. Nhận thức về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác**

##### **1. Khái niệm và dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác**

###### **1.1. Khái niệm:**

*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ về nhân phẩm và danh dự được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.*

###### **1.2. Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người**

a. Khách thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Khách thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được thể hiện ngay trong tên gọi của Chương. Đó là, các tội phạm này xâm phạm đến quyền được bảo



hộ về nhân phẩm, danh dự của con người. Đối tượng tác động của các tội phạm này là con người cụ thể. Theo đó, con người phải là một cơ thể còn sống và có thời điểm tính từ khi sinh ra cho đến khi chết. Điều này để nhằm phân biệt các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với một số tội phạm cũng có những hành vi phạm tội tương tự nhưng tác động tới đối tượng không phải là con người (người đã chết...).

Điều này cho thấy, không thể coi một con người đang còn sống khi chưa lọt lòng mẹ (còn ở trong bào thai) hoặc khi người đó đã chết.

Nhân phẩm được hiểu là phẩm chất, giá trị của một con người cụ thể và được pháp luật bảo vệ. Nhân phẩm là tổng hợp những phẩm chất mang tính đặc trưng của mỗi cá nhân, những yếu tố đặc trưng này tạo nên giá trị một con người.

Danh dự là sự coi trọng của dư luận xã hội, dựa trên giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp và là cái nhằm mang lại danh dự, nhằm tỏ rõ sự kính trọng của xã hội, của tập thể.

Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là làm cho người đó bị xúc phạm, bị coi thường, bị khinh rẻ trong gia đình, tập thể, trong nhân dân, trong xã hội tùy thuộc vào vị thế, vai trò và nhiệm vụ, tuổi tác của người đó và mức độ của hành vi phạm tội.

b. Mặt khách quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người  
Mặt khách quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thể hiện ở những hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành động hoặc không hành động) xâm phạm trực tiếp tới nhân phẩm, danh dự của con người.

Trong Chương XIV của Bộ luật hình sự, đa số các hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bằng hành động phạm tội như: sử dụng các công cụ, phương tiện khác nhau để gây nên sự tác động tới con người cụ thể, gây ra những thiệt hại hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại cho con người đó. Đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thường được thể hiện bằng lời nói, cử chỉ, hành vi phát tán... xâm phạm tới uy tín, danh dự, nhân phẩm của người khác...

Mặt khách quan của tội phạm còn thể hiện ở hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm này là những thiệt hại về thể chất như gây tổn hại về tinh thần như xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của con người. Phần lớn các tội phạm thuộc Chương XIV Bộ luật hình sự đều có cấu thành vật chất, tức là hậu quả là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm.

Để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội phạm này cần phải làm rõ mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả do hành vi đó gây ra.

c. Chủ thể của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện. Tuy nhiên do phần Chung của Bộ luật hình sự quy định pháp nhân thương mại chỉ có thể là chủ thể của một số tội phạm nhất định, trong đó không có các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự nên các tội phạm này chủ thể chỉ có thể là cá nhân có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt một độ tuổi nhất định. Tuy nhiên, đối với một số tội phạm, thì ngoài dấu hiệu chung, chủ thể của tội phạm còn cần có các dấu hiệu đặc biệt như: người đang thi hành công vụ trong Điều 137; người có chức vụ, quyền hạn hoặc có quan hệ nhất định đối với người bị lệ thuộc (Điều 130, Điều 140).

d. Mặt chủ quan của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Phần lớn các tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp

Đối với một số tội, mục đích và động cơ phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

Ngoài ra, Bộ luật hình sự còn quy định động cơ hoặc mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tăng nặng ở một số cấu thành tăng nặng như động cơ đê hèn (điểm c khoản 2 các điều 151, 152, 153 – các tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em); để

sử dụng vào mục đích vô nhân đạo, để đưa ra nước ngoài (điểm b khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 150 – tội mua bán người; điểm h, e khoản 2 các điều 151, 152, 153 – các tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em).

Đối với các tội khác, động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc.

## **2. Phân loại các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm**

### **2.1. Các tội xâm phạm tình dục**

- Nhóm tội này gồm các tội sau: Tội hiếp dâm; Tội cưỡng dâm; Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm.

- Theo BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) Việt Nam, các tội xâm phạm tình dục bao gồm:

Tội hiếp dâm (Điều 111), Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112),

Tội cưỡng dâm (Điều 113), Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114),

Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115),

Tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116). BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung và quy định rõ thêm một số tội danh xâm phạm tình dục, đặc biệt đối với tội danh xâm phạm tình dục đối với trẻ em:

Tội hiếp dâm (Điều 141),

Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142),

Tội cưỡng dâm (Điều 143), Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144),

Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145),

Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146),

Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147).

### **2.2. Các tội mua bán người**

- Nhóm tội này gồm: Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em); Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.

*Theo PGS.TS. Trần Văn Luyện và các cộng sự (2018), đây là “Tội xâm phạm đến sức khỏe con người, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể con người”.*

Thực tế hiện nay ở nước ta, lợi dụng nhu cầu của những bệnh nhân cần thay thế mô bộ phận cơ thể, trong xã hội đã xuất hiện những nhóm người môi giới, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.

VD: Điển hình như ngày 31/01/2019 Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an triệt phá đường dây buôn bán nội tạng người với quy mô xuyên quốc gia, bắt giữ 05 đối tượng do Tôn Nữ Thị Huyền cầm đầu (chỉ tính từ tháng 5/2017 đến tháng 01/2019 các đối tượng chủ yếu hoạt động mua bán thận, mỗi lần bán thận thành công các đối tượng thu số tiền giao động từ 15.000 đến 17.000 USD).

- Theo BLHS 1999 (Sửa đổi, bổ sung 2009) Việt Nam, các tội mua bán người gồm: Tội mua bán người (Điều 119),

Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120).

Đến BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung và quy định rõ thêm một số tội danh mua bán người, gồm:

Tội mua bán người (Điều 150),

Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151),

Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152),

Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153),

Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154).

### **2.3. Các tội làm nhục người khác**

- Nhóm tội này gồm: Tội làm nhục người khác; Tội vu khống; Tội hành hạ người khác.

*Theo PGS.TS. Trần Văn Luyện và các cộng sự (2018), “Hành vi phạm tội hành hạ người khác xâm phạm đến quyền được bảo hộ về thân thể, sức khỏe, uy tín, danh dự, nhân phẩm của người bị lệ thuộc”.*

- Theo BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) Việt Nam, các tội làm nhục người khác gồm:

Tội hành hạ người khác (Điều 110),

Tội làm nhục người khác (Điều 121),

Tội vu khống (Điều 122); đến BLHS 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục quy định các tội danh này tại Điều 140, Điều 155 và Điều 156.

### **2.4. Nhóm tội khác như:**

*(Tội lây truyền HIV cho người khác; Tội cố ý truyền HIV cho người khác; Tội chống người thi hành công vụ.....làm lây nhiễm Covid 19)*

- Các hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác làm tổn thương đến sức khỏe của người khác, bên cạnh đó, các hành vi phạm tội này còn làm ảnh hưởng đến tinh thần của nạn nhân. Trên thực tế, nạn nhân của những hành vi phạm tội này sẽ bị nhiễm HIV, vì thế họ mang tâm lý mặc cảm, lo sợ người khác kỳ thị; khi bị cộng đồng, tập thể, gia đình phát hiện HIV, bản thân nạn nhân khó chứng minh bản thân là nạn nhân của các hành vi phạm tội trên mà thường bị quy chụp là “vi phạm các tệ nạn xã hội” (như quan hệ tình dục với người hành nghề mại dâm hoặc sử dụng ma túy).

Chính những hệ lụy của hành vi phạm tội này đã làm cho nạn nhân ảnh hưởng nghiêm trọng đến DDNP của bản thân họ.

*Chính vì thế, theo PGS.TS. Trần Văn Luyện và các cộng sự (2018), hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác “cũng làm ảnh hưởng đến nhân phẩm danh dự con người”.*

- Cùng với đó, hành vi chống người thi hành công vụ không những xâm phạm đến hoạt động quản lý xã hội nói chung và hoạt động quản lý hành chính nói riêng của cơ quan Nhà nước và nó còn ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của cán bộ trực tiếp thi hành nhiệm vụ.

- Do đó, tội lây truyền HIV cho người khác; tội cố ý truyền HIV cho người khác và tội chống người thi hành công vụ vẫn được xếp vào nhóm các tội xâm phạm DDNP của con người.

## **3. Nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội danh dự, nhân phẩm**

### **3.1. Sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường**

Nền kinh tế thị trường, bên cạnh những mặt ưu điểm cũng bộc lộ nhiều mặt trái trở thành những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, đó là:

- Hình thành lối sống hưởng thụ xa hoa, trụy lạc của một bộ phận người trong xã hội.

- Đã làm xuống cấp nhiều mặt về văn hoá, đạo đức, lối sống làm mất đi truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

- Đẩy mạnh tốc độ phân tầng xã hội, tạo ra sự phân hoá giàu nghèo sâu sắc, một bộ phận giàu lên nhanh chóng trong đó có một số người làm giàu bất chính từ đó dẫn đến phạm tội, mặt khác không ít người không có tư liệu sản xuất phải ra thành phố, thị xã làm thuê kiếm sống bị tác động bởi những hiện tượng tiêu cực dễ dẫn đến phạm tội.

### **3.2. Tác động trực tiếp, toàn diện của những hiện tượng xã hội tiêu cực do chế**

## ***độ cũ để lại***

- Hậu quả của chế độ thực dân, đế quốc cùng với chiến tranh kéo dài trong nhiều năm đã phá hoại cơ sở vật chất, hình thành lối sống hưởng thụ, tư tưởng tham lam, ích kỉ, sa đọa truy lạc trong một bộ phận nhân dân.

- Tư tưởng trọng nam, coi thường phụ nữ ; những tác động tiêu cực, tàn dư của chế độ xã hội cũ còn tồn tại lâu dài tác động vào đời sống xã hội làm nảy sinh các hiện tượng tiêu cực trong đó có tội phạm.

### ***3.3. Sự thâm nhập ảnh hưởng của tội phạm, tệ nạn xã hội của các quốc gia khác***

### ***3.4. Những sơ hở, thiếu sót trong các mặt công tác quản lí của Nhà nước, các cấp, các ngành***

Sơ hở thiếu sót trong quản lí con người, quản lí văn hoá, quản lí nghề nghiệp kinh doanh...

### ***3.5. Những thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ văn hoá của người dân.***

### ***3.6. Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, việc thực thi pháp luật kém hiệu quả***

### ***3.7. Công tác đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan chức năng nói chung và của ngành công an nói riêng còn bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu sót; thể hiện trên các mặt***

- Trình độ nghiệp vụ, pháp luật của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến hữu khuynh né tránh, thậm chí có một số cán bộ biến chất, tiếp tay cho tội phạm, buông lỏng công tác đấu tranh trấn áp tội phạm.

- Mối quan hệ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa thực sự đồng bộ, thiếu thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, giáo dục, cải tạo phạm nhân. Hoạt động trao đổi thông tin giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật còn chưa tốt.

- Số vụ phát hiện, điều tra ít hơn so với thực tế tội phạm xảy ra, tội phạm ẩn còn nhiều.

- Hoạt động điều tra, xử lí tội phạm chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao, xử lí chưa nghiêm minh.

- Hệ thống tổ chức bộ máy, phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và trong nội bộ từng cơ quan chưa thực sự khoa học, hiệu quả vận hành chưa cao.

### ***3.8. Công tác quản lí Nhà nước về an ninh trật tự còn bộc lộ nhiều sơ hở***

Công tác giáo dục cải tạo chưa xoá bỏ được tư tưởng phạm tội của các đối tượng, số đối tượng phạm tội trở lại còn nhiều.

### ***3.9. Phong trào quần chúng tham gia đấu tranh chống tội phạm ở một số nơi chưa thực sự mạnh mẽ, chưa hiệu quả***

Chưa phát huy được sức mạnh của quần chúng trong công tác giáo dục, cải tạo và tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội.

## **II. Nhận thức về công tác phòng, chống tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác**

### **1. Khái niệm phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác**

#### ***1.1. Khái niệm***

Phòng ngừa tội phạm là việc các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều biện pháp nhằm khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

***1.2. Phòng ngừa tội phạm là phương hướng chính, là tư tưởng chỉ đạo trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng ngừa không để tội phạm xảy ra.***

#### ***1.3. Phòng ngừa mang ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc***

- Làm tốt công tác phòng ngừa giúp giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của xã hội, tính mạng, sức khoẻ, danh dự, phẩm giá của mọi người dân.

#### **1.4. Làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm mang ý nghĩa kinh tế sâu sắc**

- Tiết kiệm ngân sách Nhà nước, sức lao động của các nhân viên Nhà nước, của công dân trong các hoạt động điều tra truy tố xét xử và giáo dục cải tạo người phạm tội, cũng như trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến tội phạm.

#### **1.5. Phòng, chống tội phạm được tiến hành theo hai hướng cơ bản sau :**

- Hướng thứ nhất : Phát hiện, khắc phục, hạn chế và đi đến thủ tiêu các hiện tượng xã hội tiêu cực là những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội và phạm tội cụ thể. Đây là hướng mang tính cơ bản, chiến lược và lâu dài.

- Hướng thứ hai : Hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi tội phạm xảy ra. Đây cũng là một hướng quan trọng không thể xem nhẹ, bởi trong thực tế những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, phát triển tội phạm vẫn tồn tại, hoạt động phòng ngừa tội phạm còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết nên tội phạm vẫn xảy ra. Hướng này đòi hỏi các cơ quan chức năng phối hợp kịp thời phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, cải tạo người phạm tội trở thành người công dân lương thiện.

*Tóm lại: Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.*

#### **1.6. Phòng chống tội phạm mang tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và các công dân.**

Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

### **2. Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác**

#### **2.1. Chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm**

a. Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp.

- Chủ động, kịp thời ban hành các đạo luật, nghị quyết, các văn bản pháp lí về phòng chống tội phạm, từng bước hoàn thiện pháp luật.

- Thành lập các uỷ ban, các tiểu ban giúp cho Quốc hội soạn thảo ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh chống tội phạm

- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội.

- Hội đồng nhân dân địa phương ra các Nghị quyết về phòng chống tội phạm ở địa phương mình.

b. Chính phủ và uỷ ban nhân dân các cấp.

- Cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành những văn bản pháp quy hướng dẫn, tổ chức các lực lượng phòng chống tội phạm.

- Sử dụng các cơ quan chuyên trách của Chính phủ tiến hành hoạt động phòng chống tội phạm : Công an, Viện kiểm sát, Toà án.

- Phối hợp tiến hành đồng bộ hoạt động giữa các chủ thể khác nhau thuộc cấp mình quản lí theo kế hoạch thống nhất.

- Đảm bảo các điều kiện vật chất cho hoạt động phòng chống tội phạm : ngân sách, phương tiện, điều kiện làm việc.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ và phối hợp điều chỉnh hoạt động phòng chống tội phạm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Đề ra các biện pháp nhằm động viên, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia

hoạt động phòng chống tội phạm : khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

- Các cơ quan quản lý kinh tế, văn hoá, giáo dục, dịch vụ, du lịch trong phạm vi tổ chức hoạt động chuyên môn.

- Phát hiện những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh phát triển tội phạm thuộc lĩnh vực mình quản lý.

- Đề ra những quy định thích hợp, tham mưu cho Nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách đúng đắn góp phần khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa tội phạm trong phạm vi cơ quan có hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, làm tốt công tác phòng chống trong nội bộ, ngoài xã hội theo chương trình chung của Chính phủ.

c. Các tổ chức xã hội, các tổ chức quần chúng tự quản

- Phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn soạn thảo, tham gia kế hoạch phòng ngừa tội phạm.

- Tuyên truyền cho hội viên thấy được tính chất, thủ đoạn hoạt động của tội phạm nâng cao ý thức cảnh giác.

- Trực tiếp huy động các hội viên tham gia chương trình phòng chống tội phạm của Chính phủ trong phạm vi địa phương, nội bộ hiệp hội của mình.

d. Các cơ quan bảo vệ pháp luật: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án

- Công an: Nghiên cứu, phân tích tình trạng phạm tội, xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, soạn thảo đề xuất các biện pháp phòng chống thích hợp.

- Viện kiểm sát: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố.

- Tòa án các cấp: Thông qua hoạt động xét xử các vụ án đảm bảo công minh, đúng pháp luật; phát hiện những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để Chính phủ, các ngành, các cấp kịp thời có biện pháp ngăn chặn, loại trừ.

e. Công dân

- Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, tích cực tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm.

- Tích cực, chủ động phát hiện mọi hoạt động của tội phạm và thông báo cho các cơ quan chức năng.

- Tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng có liên quan đến hoạt động phạm tội tại cộng đồng dân cư.

- Phối hợp tham gia, giúp đỡ các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện tốt “Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm”.

- Trực tiếp làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ngay trong phạm vi gia đình (quản lý, giáo dục các thành viên trong gia đình).

## **2.2. Nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm**

a. Nguyên tắc pháp chế

b. Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa

c. Nguyên tắc nhân đạo trong phòng ngừa

d. Nguyên tắc khoa học và tiên bộ trong phòng ngừa

e. Nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể trong công tác phòng ngừa tội phạm

f. Nguyên tắc cụ thể hóa trong phòng ngừa tội phạm

## **3. Nội dung hoạt động phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm**

### **3.1. Tổ chức tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm.**

- a. Đổi mới và hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế, xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm
- b. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc
- c. Quản lý, giáo dục cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng đối với người phạm tội, vi phạm pháp luật và đối tượng có nguy cơ phạm tội.
- d. Tăng cường hiệu lực công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội
- e. Đẩy mạnh hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ

### **3.2. Tổ chức tiến hành các hoạt động phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm**

#### **4. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm**

**4.1. Phòng ngừa chung là tổng hợp tất cả các biện pháp về chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, giáo dục.**

#### **4.2. Phòng chống riêng (phòng và chống của lĩnh vực chuyên môn)**

- a. Theo nội dung tác động của phòng ngừa tội phạm
- b. Theo phạm vi, quy mô tác động của các biện pháp phòng chống tội phạm
- c. Theo phạm vi các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, xã hội
- d. Theo phạm vi đối tượng tác động của biện pháp phòng chống tội phạm, có:
  - Các biện pháp phòng chống tội phạm nói chung trong cả nước
  - Biện pháp phòng chống cá biệt
- e. Biện pháp của các cơ quan trực tiếp chỉ đạo và thực hiện chuyên môn phòng chống tội phạm: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án.
- f. Biện pháp của các tổ chức xã hội: Đoàn thanh niên, hội phụ nữ.
- g. Biện pháp của công dân.

#### **4.3. Theo chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm**

#### **5. Phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm trong nhà trường**

- 5.1. Trách nhiệm của nhà trường
- 5.2. Trách nhiệm của sinh viên

## **BÀI 6**

### **AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG**

#### **I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay**

##### **1. Khái niệm an toàn thông tin**

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đã chỉ rõ “phải gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng, phát triển CNTT phải đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia”, đặc biệt cần “phát huy vai trò các lực lượng chuyên trách bảo vệ an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng công an, quân đội, ngoại giao, cơ yếu, thông tin và truyền thông” để có các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật, sẵn sàng đối phó với các cuộc chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng, bảo đảm chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Theo Nghị định 64-2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước: “An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và

*phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành; duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng”.*

- Luật An toàn thông tin mạng được ban hành năm 2015: “*An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin”.*

- Luật An ninh mạng: “*An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.*

ATTT yêu cầu đảm bảo ba đặc điểm là: Tính bí mật (*Confidentiality*), tính toàn vẹn (*Integrity*) và tính sẵn sàng (*Availability*) - được mô hình hóa gọi là tam giác bảo mật CIA.

Theo Từ điển Nghiệp vụ Công an nhân dân Việt Nam (2019), tội phạm sử dụng công nghệ cao là loại tội phạm sử dụng những thành tựu mới của khoa học – kỹ thuật và công nghệ hiện đại làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý hoặc vô ý, gây nguy hiểm cho xã hội. Chủ thể của loại tội phạm này thường là những người có trình độ học vấn, chuyên môn cao, có thủ đoạn rất tinh vi, khó phát hiện

Giáo trình “*Những vấn đề cơ bản về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao*” của Học viện Cảnh sát nhân dân (2015) có đề cập đến khái niệm về tội phạm sử dụng công nghệ cao. Theo đó, tội phạm sử dụng công nghệ cao là: “*Tội phạm được thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân”.*

Theo Khoản 1 điều 3 Nghị định số 25/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07 tháng 4 năm 2014 quy định: “*Tội phạm có sử dụng công nghệ cao là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự có sử dụng công nghệ cao*”. Theo khoản 1 điều 3 của Luật Công nghệ cao năm 2008 quy định: “*Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có”.*

## ***2. Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới***

- Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thông tin là một dạng tài nguyên. Chính vì thế, đảm bảo an ninh, ATTT là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Tuy nhiên hiện nay, các mối đe dọa từ không gian mạng không ngừng tăng lên và thay đổi nhanh chóng.

- An ninh mạng đang trở thành vấn đề nóng, đặt ra nhiều thách thức đối với tất cả các quốc gia trên toàn thế giới. Tình hình ATTT mạng diễn biến phức tạp, liên tục xảy ra các vụ tấn công, xâm nhập, đánh cắp dữ liệu trên hệ thống mạng của các cơ quan chính phủ, các cơ sở an ninh quốc phòng, tập đoàn kinh tế, cơ quan truyền thông của nhiều quốc gia, như các vụ tấn công vào hệ thống thư điện tử của Bộ Ngoại giao Mỹ, hệ thống máy tính của Nhà trắng, Hạ viện Đức, Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại và Cảnh sát liên bang Australia,...

- Các mục tiêu tấn công đã thay đổi, kỹ thuật trở nên phức tạp hơn, hướng tấn công đa dạng hơn và công cụ tấn công được thiết kế chuẩn xác hơn. Những kẻ tấn công đã nghiên cứu kỹ các nạn nhân để có những chiến lược tấn công phù hợp, nhằm tạo ra những ảnh hưởng lớn nhất có thể.

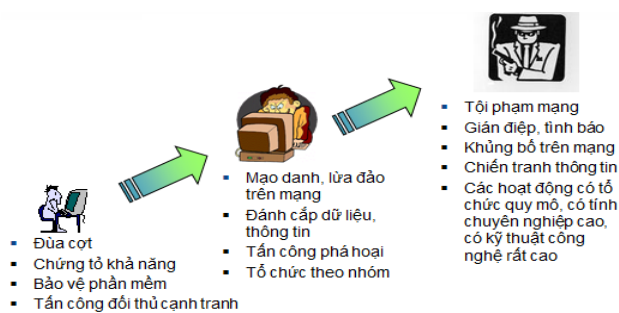
- Tài chính là mục tiêu lớn nhất thúc đẩy tin tặc hành động, với 73% số lượng các cuộc tấn công mạng; chính trị, tình báo là mục tiêu lớn thứ hai, với 21% các cuộc tấn công.



Các nhóm tội phạm mạng có tổ chức xuất hiện nhiều hơn. Chiến tranh mạng và đội quân tác chiến mạng cũng được chú trọng hơn.

- Trong cuộc chạy đua vũ trang trên không gian mạng toàn cầu, các quốc gia đang xây dựng các trung tâm chỉ huy không gian mạng, nhằm củng cố hệ thống phòng thủ chống lại các cuộc tấn công mạng vào các cơ quan và cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, sự phát triển và phổ biến của mạng xã hội đã làm nảy sinh một nguy cơ ATTT nữa đó là việc lan truyền tin tức giả mạo thông qua mạng xã hội, gây ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức, thậm chí là tình hình an ninh, chính trị của cả một đất nước.

- Tiền ảo và các hành vi tội phạm liên quan đến tiền ảo cũng đang tiếp tục phát triển, bao gồm lây nhiễm phần mềm độc hại đào tiền ảo tới máy tính, máy chủ; lây nhiễm mã độc đào tiền ảo tới một trang web, sử dụng tài nguyên thiết bị của người tải trang web; đánh cắp tiền từ giao dịch tiền ảo. Hình dưới đây mô tả xu thế chung của tấn công mạng hiện nay.



**Hình 2. Xu thế tấn công mạng hiện nay**

### 3. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam

- Tình hình an toàn an ninh mạng tiếp tục diễn biến phức tạp, tồn tại nhiều cơ sở gây nguy cơ bị tấn công, phá hoại hạ tầng mạng thông tin, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Báo cáo của hãng bảo mật Kaspersky và Symantec cho thấy

- Việt Nam đứng thứ 3 (3,96%) sau Nga (4%) và Ấn Độ (8%) về số người dùng di động bị mã độc tấn công nhiều nhất trên thế giới; thứ 6 trên thế giới về số lượng địa chỉ IP trong nước được dùng trong các mạng máy tính mà tấn công nước khác; thứ 7 trên thế giới về phát tán tin nhắn rác và đứng thứ 12 trên thế giới về các hoạt động tấn công mạng.

- Hoạt động tấn công mạng nhằm vào Việt Nam gia tăng về số lượng, gây nguy cơ bị kiểm soát, khống chế hệ thống thông tin.

- Trong Chỉ thị 01 về định hướng phát triển ngành TT&TT năm 2020, Bộ trưởng Bộ TT&TT đã nhấn mạnh, an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết để phát triển Chính phủ điện tử và chuyển đổi số, do đó phải đi trước một bước. Chỉ thị 01 cũng nêu rõ các chỉ tiêu cần đạt được trong năm 2020 của lĩnh vực an toàn, an ninh mạng như: 100% cơ quan, tổ chức tại Việt Nam triển khai bảo vệ an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp; 100% bộ, ngành, địa phương triển khai các giải pháp điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia của Bộ TT&TT...

## II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng

### 1. Tin rác (Spam), tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử

#### 1.1. Tin rác (Spam)

- Spam hay còn gọi là tin rác là viết tắt của Stupid Pointless Annoying Messages, từ này có ý nghĩa là những thông điệp vô nghĩa và gây phiền toái cho người nhận, được gửi đến nhiều người dùng với cùng một nội dung

#### 1.2. Tin giả

- **Giả hình:** Công nghệ cắt ghép tạo hình ảnh người giả y như thật để tạo ra tin tức giả, nhiều người nổi tiếng đã là nạn nhân.

- **Giả tiếng:** Sử dụng công nghệ TTP (công cụ chuyển văn bản thành tiếng nói - text to speech) để tạo ra các cuộc gọi tự động với giọng robot thu sẵn.

- **Giả video:** Thực hiện bằng cách cắt ghép hình ảnh người dẫn chương trình lồng vào dẫn bản tin giả. Clip giả nhưng có người dẫn chương trình sống động như thật.

**\*\*\* Tin giả có thể được tạo và lan truyền nhằm các mục đích sau:**

- **Chính trị:** Tin giả được lợi dụng vào các âm mưu chính trị và làm rối loạn XH.

- **Thương mại:** Lan truyền tin giả với mục đích kinh tế. Các cách thức phát tán tin giả với doanh nghiệp phổ biến như, đối thủ cạnh tranh sử dụng tin giả để tấn công phía bên kia, dùng những cách thức để bôi xấu về những sự cố đã từng xảy ra trong quá khứ và khi một sự cố vừa xảy ra thì họ sẽ tìm mọi cách để họ nhân rộng sự lên.

Hay những tin giả hoàn toàn không có thật liên quan đến vấn đề kinh doanh, vấn đề quan hệ cá nhân của những cán bộ cấp cao, vấn đề bằng cấp, đầu tư mờ ám, liên quan đến nguồn tiền bất hợp pháp có rất nhiều cách thức để làm ảnh hưởng đến một doanh nghiệp, đối thủ.

Tin giả bịa đặt dễ gây bức xúc, tâm lý "tăng tương tác, tăng bán hàng" đã khiến một bộ phận bán hàng trực tuyến chủ động tạo và lan truyền tin giả với mục đích kinh tế hết sức rõ ràng.

**1.3. Xử lý hành vi tạo và lan truyền tin giả:**

- Điều 101, Nghị định 15 quy định phạt tiền từ 10-20 triệu đồng đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc.

- Nghị định 15 quy định rất cụ thể các hành vi vi phạm về chống thư rác, tin nhắn rác và cung cấp dịch vụ nội mạng. Mức phạt lên đến 80 triệu đồng đối với hành vi gửi hoặc phát tán thư điện tử rác, tin nhắn rác, phần mềm độc hại (tăng cao so với mức xử phạt được quy định tại Nghị định 174/2013/NĐ-CP chỉ từ 40-50 triệu đồng). Riêng đối với hành vi không ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng để phát tán tin nhắn rác thì mức phạt tiền sẽ từ 180-200 triệu đồng.

Đối với các hành vi kể trên, ngoài phạt tiền còn bị áp dụng thêm các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả như: đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ từ 1-3 tháng; tước quyền sử dụng mã số quản lý, tên định danh từ 1-3 tháng; buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông.

Ngoài phạt tiền, người vi phạm còn bị buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: gỡ bỏ thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm.

**2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm ANQG, trật tự ATXH**

Theo Điều 8 Luật An ninh mạng (2018), các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

1. Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:

a) Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;

b) Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

d) Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

đ) Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

e) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

2. Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

4. Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

5. Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc đe dọa lợi.

6. Hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

Theo Khoản 1, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;

b) Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước;

c) Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

Theo Khoản 2, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm:

a) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân;

b) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

### 3. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội

- **Hình thức (Phishing):** Đây là hình thức chiếm đoạt một tài khoản facebook phổ biến nhất hiện nay và cho đến bây giờ nó vẫn là cách được hacker sử dụng nhiều nhất.

+ Kẻ tấn công sẽ phát tán một đường link ở nhiều nơi và nhất là trên Facebook với những tiêu đề gây sốc như: Click vào đây để xem xxx .... gây kích thích và sự tò mò cho người xem.

+ Khi người dùng click vào đường dẫn sẽ được đưa đến một website có giao diện giống 100% facebook và yêu cầu bạn đăng nhập tài khoản của mình.

- **Dò mật khẩu:** Sau phishing facebook thì đây là một hình thức phổ biến tuy xác suất thành công không cao nhưng không thể không nói đến nó vì có nhiều người dùng sử dụng những mật khẩu quá đơn giản kiểu như: 123456, matkhu, số điện thoại, họ và tên....

- **Sử dụng trojan, Keylog:** Kẻ tấn công sẽ chèn một đoạn mã vào một ứng dụng, tập tin nào đó rồi gửi thông qua inbox, comment trên facebook hay bất cứ đâu.

- **Sử dụng chương trình khuyến mãi - trúng thưởng hay Mini Game:** Hacker sẽ giả chương trình trúng thưởng - khuyến mãi trên danh nghĩa của Facebook

- **Lỗ hổng bảo mật facebook:** Là hình thức tấn công nick facebook mạng tên “3 Friends”.

\* **Kẻ tấn công chiếm đoạt tài sản mạng xã hội nhằm các mục đích sau:**

- **Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.**

- **Hack nick facebook vì những thù hằn của cá nhân.**

#### **4. Chiếm quyền giám sát Camera IP**

**Cách thứ nhất:** Tấn công trực tiếp vào thiết bị Camera bằng cách Quét (Scan) IP và Port của Camera rồi sau đó Hacker tìm cách xâm nhập vào hệ thống để xem hình ảnh, video trái phép.

**Cách thứ hai:** Hacker sẽ dùng một phần mềm gián điệp cài trên Camera quan sát để tạo thành một mạng Botnet sử dụng trong một hình thức tấn công nổi tiếng đó là DDOS.

#### **5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

- Kịch bản lừa đảo thông báo trúng thưởng với giải thưởng cực lớn đang quay trở lại hoành hành trên Facebook. Sau khi chiếm đoạt tài khoản Facebook cá nhân, nhiều đối tượng còn tung ra nhiều chiêu trò để lừa đảo khiến nhiều người dùng mất đi một khoản tiền không hề nhỏ. Ngay sau khi có tài khoản đã được đánh cắp, đối tượng sẽ thực hiện ngay việc chat với bạn bè/người thân hỏi thăm về sức khỏe, công việc và sau đó nhờ nhận hộ một số tiền chuyển từ nước ngoài về. Nạn nhân không biết tài khoản Facebook kia đã bị tấn công nên tin tưởng và sẵn sàng giúp đỡ.

- Không chỉ vậy, nạn nhân còn có nguy cơ bị tấn công lấy tài khoản ngân hàng thông qua hình thức tấn công phishing. Sau khi thống nhất số tiền sẽ chuyển, đối tượng lừa đảo dùng một số điện thoại từ nước ngoài sẽ gửi 1 tin nhắn giả mạo thông báo từ Western Union đến số điện thoại của nạn nhân với nội dung đề nghị truy cập đường link trong tin nhắn SMS và xác nhận để có thể nhận được tiền Western Union.

- Nạn nhân không biết đây là trang web phishing (một hình thức lừa đảo giả mạo các tổ chức uy tín như ngân hàng) nên đã nhập các thông tin tài khoản, mật khẩu internet banking vào trang web giả mạo rồi gửi đi và đối tượng lừa đảo sẽ nhận được. Từ đó, đối tượng lừa đảo dùng thông tin internet banking vừa chiếm được từ nạn nhân để thực hiện giao dịch qua cổng thanh toán trực tuyến VTC Pay và cổng thanh toán VNPAY.

#### **6. Web chìm (Deep web) và web đen (Dark web)**

##### **6.1. Web chìm (Deep web)**

**Web chìm hay còn gọi là web ẩn** dùng để chỉ các trang hoặc nội dung trên thế giới mạng World Wide Web không thuộc về Web nổi (surface Web). Chúng gồm những trang không được đánh dấu, chỉ mục (index) và không thể tìm kiếm được khi dùng các công cụ tìm kiếm thông thường.

##### **6.2. Web đen (Dark web)**

**Web đen hay web tối:** là những nội dung mạng World Wide Web không thể truy cập bằng những cách thông thường mà phải sử dụng các phần mềm chuyên biệt

**Một số hoạt động thường thấy ở Dark Web:**

- **Chợ đen:** Nhiều hoạt động thương mại bất hợp pháp diễn ra trên Dark web, ví dụ như: buôn bán tiền giả, thẻ ngân hàng hay tài khoản mạng bị đánh cắp, súng, ma túy và các chất kích thích, các sản phẩm không rõ nguồn gốc khác.

- **Khủng bố:** Vì tính ẩn danh cao, nhiều tổ chức tội phạm khủng bố như IS sử dụng không gian Dark web để phát tán các nội dung đến người dùng. Nói đến khủng bố thì không

chỉ là IS mà còn có các tổ chức Mafia khác sử dụng mạng lưới này, đã từng có trường hợp chúng nhận hợp đồng thanh toán một người và hợp đồng đó đã ở trạng thái được thực thi.

- **Khiêu dâm:** Khiêu dâm trẻ em, ngược đãi hoặc làm tình với động vật, phát tán video quay lén là những nội dung hiện hữu trên dark web. Các nội dung này đều bị các tổ chức bảo vệ trẻ em cũng như các nước trên thế giới lên án và cố gắng dẹp bỏ

- **Lừa đảo:** Không hiếm những trường hợp lừa tiền hoặc thanh toán người khác trên Dark Web được thực thi.

### **III. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng**

#### **1. Cơ sở pháp lý**

##### **1.1. Bộ luật Hình sự năm 2015**

###### **a. Hoàn cảnh ra đời:**

Ngày 27/11/2015, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật Hình sự.

Ngày 20/6/2017, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.

BLHS số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của nước ta.

###### **b. Hiệu lực thi hành**

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Gọi tắt là Bộ luật Hình sự) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

###### **c. Bố cục của Bộ luật Hình sự**

###### **Bộ luật hình sự gồm 26 Chương và 526 Điều, bao gồm:**

- Chương I. Điều khoản cơ bản (Điều 01 – Điều 04).
- Chương II. Hiệu lực của bộ luật hình sự (Điều 05 – Điều 07)
- Chương III. Tội phạm (Điều 8 – Điều 19).
- Chương IV. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự (Điều 20– Điều 26).
- Chương V. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự (Điều 27 – Điều 29).
- Chương VI. Hình phạt (Điều 30 – Điều 45).
- Chương VII. Các biện pháp tư pháp (Điều 46 – Điều 49).
- Chương VIII. Quyết định hình phạt (Điều 50 – Điều 59).
- Chương IX. Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt (Điều 60 – Điều 68).
- Chương X. Xóa án tích (Điều 69– Điều 73).
- Chương XI. Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 74 – Điều 89).
- Chương XII. Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 90 – Điều 107).
- Chương XIII. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Điều 108 – Điều 122).
- Chương XIV. Các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (Điều 123 – Điều 156).

- Chương XV. Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân (Điều 157 – Điều 167).
- Chương XVI. Các tội xâm phạm sở hữu (Điều 168 – Điều 180).
- Chương XVII. Các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình (Điều 181 – Điều 187).
- Chương XVIII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Điều 188 – Điều 234).
- Chương XIX. Các tội phạm về môi trường (Điều 235 – Điều 246).
- Chương XX. Các tội phạm về ma túy (Điều 247 – Điều 259).
- Chương XXI. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Điều 260 – Điều 329).
- Chương XXII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Điều 330 – Điều 351).
- Chương XXIII. Các tội phạm về chức vụ (Điều 352 – Điều 366).
- Chương XXIV. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp (Điều 367 – Điều 391).
- Chương XXV. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (Điều 392 – Điều 420).
- Chương XXVI. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (Điều 421 – Điều 426).

Trong đó các Điều khoản trong luật thực hiện với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng được quy định tại

**Mục 2. Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông Chương XXI gồm các Điều 285 đến 294.**

- + Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.
- + Điều 286. Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.
- + Điều 287. Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.
- + Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.
- + Điều 289. Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác.
- + Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.
- + Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.
- + Điều 292. Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông
- + Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh.
- + Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại.

**1.2. Luật An toàn thông tin 2015**

**a. Hoàn cảnh ra đời**

**b. Hiệu lực thi hành**

Luật An toàn thông tin có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

**c. Bố cục của Luật An toàn thông tin**

**Luật An toàn thông tin mạng gồm 08 Chương và 54 Điều, bao gồm:**

- Chương I. Những quy định chung (Điều 01 – Điều 08)
- Chương II. Bảo đảm an toàn thông tin mạng (Điều 09 – Điều 29)

- Chương III. Mật mã dân sự (Điều 30 – Điều 36)
- Chương IV. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng (Điều 37 – Điều 39)
- Chương V. Kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng (Điều 40 – Điều 48)
- Chương VI. Phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng (Điều 49 – Điều 50).
- Chương VII. Quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng (Điều 51 – Điều 52).
- Chương VIII. Điều khoản thi hành (Điều 53 – Điều 54) quy định về hiệu lực thi hành.

### **1.3. Luật An ninh mạng 2018**

#### **a. Hoàn cảnh ra đời:**

Hiện nay, mạng Internet đã trở thành công cụ trung tâm để phát triển nền kinh tế và xã hội của mọi quốc gia. Đối với Việt Nam, mạng internet cũng được coi là công cụ, phương tiện quan trọng để thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh trong một thế giới cạnh tranh và toàn cầu hóa.

Vì vậy, Việt Nam cần có các quy định pháp lý về an toàn thông tin để nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm ATTT, tạo môi trường bình đẳng cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

#### **b. Hiệu lực thi hành**

**Luật An ninh mạng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.**

#### **c. Bố cục của Luật An ninh mạng**

Luật An ninh mạng gồm 07 Chương, 43 Điều. Bố cục của Luật cụ thể như sau:  
Chương I. Những quy định chung, gồm 9 điều, (từ Điều 1 đến Điều 9) .

Chương II. Bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, gồm 6 điều (từ Điều 10 đến Điều 15)

Chương III. Phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng, gồm 7 điều (từ Điều 16 đến Điều 22)

Chương IV. Hoạt động bảo vệ an ninh mạng, gồm 7 điều (từ Điều 23 đến Điều 29)

Chương V. Bảo đảm hoạt động bảo vệ an ninh mạng, gồm 6 điều (từ Điều 30 đến Điều 35)

Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gồm 7 điều (từ Điều 36 đến Điều 42)

Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 01 điều (Điều 43)

### **2. Các biện pháp**

#### **2.1. Thứ nhất: Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng.**

- Bảo vệ chủ quyền quốc gia (không chỉ là đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời) mà còn là bảo vệ không gian mạng của quốc gia, bao gồm, bảo vệ các hệ thống thông tin; các chủ thể hoạt động trên không gian mạng; hệ thống dữ liệu, tài nguyên mạng; các quy tắc xử lý và truyền số liệu.

- Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cần nhận thức rõ các nguy cơ đến từ không gian mạng như: tấn công mạng, gián điệp mạng, khủng bố mạng, tội phạm mạng, đặc biệt là nguy cơ chiến tranh mạng đang là thách thức gay gắt về an ninh, và bảo đảm an ninh mạng đang trở thành trọng tâm ưu tiên của quốc gia.

- Quán triệt các quan điểm của Đảng về phát triển khoa học công nghệ và chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các định hướng hành động của Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng và nhận thức rõ rằng, đe dọa trên

không gian mạng là một trong những mối đe dọa thực tế và nguy hiểm nhất đối với an ninh quốc gia hiện nay.

## **2.2. Thứ hai: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng.**

- Phổ biến các điều khoản của Bộ luật Hình sự 2015 (Mục 2, Điều 285-294) liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15-7-2013 của Chính phủ và Thông tư số 09/2014/BTTTT ngày 19-8-2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội, những hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng mạng xã hội.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật An ninh mạng năm 2018.
- Tuyên truyền sâu rộng về những hành vi bị cấm trong Luật An ninh mạng
- Các hình thức giáo dục cần được vận dụng đa dạng, phong phú và linh hoạt như:

## **2.3. Thứ ba: Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng.**

- Hoạt động tấn công không gian mạng rất đa dạng và tinh vi như: làm mất kết nối Internet, đánh sập các website của chính phủ, cơ quan, đơn vị, nhà trường, doanh nghiệp; giả mạo các website nhằm lừa đảo; cài găm vào máy tính cá nhân hoặc lấy tài khoản và mật khẩu; đánh cắp dữ liệu cá nhân (hình ảnh, file, video);

- Tấn công bằng mã độc (theo tệp đính kèm trong email hoặc ẩn trong quảng cáo Skype); tấn công ẩn danh bằng những phần mềm độc hại (phần mềm diệt virus, các trình duyệt); tấn công qua usb, đĩa CD, địa chỉ IP, server...

## **2.4. Thứ tư: Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử dụng biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng.**

- Nâng cao ý thức chính trị, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ không gian mạng quốc gia.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh mạng;

- Mỗi người cần nghiên cứu và sử dụng tốt các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin như bảo vệ tài khoản cá nhân

- Người dùng không nên vào những trang web lạ (hoặc trang web đen), những email chưa rõ danh tính và đường dẫn đáng nghi ngờ

- Khi phát hiện bị tấn công trên không gian mạng, nhanh chóng ngắt kết nối mạng; sử dụng các công cụ giải mã độc; báo cho người có trách nhiệm qua đường dây nóng.

## **2.5. Thứ năm: Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách an ninh mạng, lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường trong giáo dục nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng.**

- Các cơ quan chuyên trách an ninh mạng (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an; Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng, Bộ Quốc phòng;

- Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng tăng cường cảnh báo khả năng mất an ninh mạng do đơn vị mình cung cấp và hướng dẫn biện pháp phòng ngừa;

- Xây dựng các phương án xử lý với sự cố an ninh mạng; phối hợp, tạo điều kiện cho lực lượng chuyên trách trong hoạt động bảo vệ an ninh mạng.

- Lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường cần nắm vững mọi hoạt động và tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên, quân chúng, có nội dung giáo dục, định hướng, điều chỉnh nhận thức đúng đắn, kịp thời

## **IV. Trách nhiệm của nhà trường, sinh viên**



## BÀI 7

### AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM

#### I. Những vấn đề cơ bản về an ninh phi truyền thông

##### 1. Nhận thức chung về an ninh phi truyền thông

###### 1.1. Quan niệm về an ninh phi truyền thông

- An ninh phi truyền thông là quan niệm mới về một trạng thái khác với an ninh truyền thông, phản ánh sự thay đổi nhận thức của con người về an ninh và sự mở rộng nội hàm khái niệm an ninh quốc gia.

- An ninh phi truyền thông không chỉ bảo vệ chủ quyền quốc gia mà còn bảo vệ con người, bảo vệ cộng đồng, mang tính xuyên quốc gia do những mối đe dọa của các nhân tố bên trong và bên ngoài với môi trường sinh tồn, phát triển của cộng đồng xã hội và công dân của mỗi quốc gia trong mối quan hệ chặt chẽ với khu vực và thế giới

###### 1.2. Đặc trưng của an ninh phi truyền thông

- Nội hàm an ninh phi truyền thông liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, có tính “động” và “mở”

- Đối tượng của an ninh phi truyền thông rộng và ít liên quan đến chủ quyền quốc gia hơn so với an ninh truyền thông

- Các vấn đề của an ninh phi truyền thông đều có tác động lẫn nhau

- Các mối đe dọa an ninh phi truyền thông mang tính toàn cầu, không giới hạn không gian và thời gian

- An ninh phi truyền thông có đặc tính “lan tỏa”, diễn biến âm thầm nhưng bùng phát đột xuất

##### 2. Những biểu hiện và tác động của an ninh phi truyền thông

###### 2.1. Chủ nghĩa khủng bố

- Những vấn đề cơ bản về khủng bố

+ Khủng bố là một, một số hoặc tất cả hành vi sau đây của tổ chức, cá nhân nhằm chống chính quyền nhân dân, ép buộc chính quyền nhân dân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, gây khó khăn cho quan hệ quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc gây ra tình trạng hoảng loạn trong công chúng (*Luật phòng, chống khủng bố năm 2013*)

- Tác động của chủ nghĩa khủng bố đối với nhân loại

+ Gây thiệt hại về người

+ Gây thiệt hại về tài sản

+ Gây ảnh hưởng đến an ninh thế giới

###### 2.2. Tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao

- Tình hình tội phạm xuyên quốc gia và tác động của tội phạm xuyên quốc gia

+ Khái niệm

Công ước Palermo năm 2000 định nghĩa về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và xác lập phạm vi điều chỉnh của Công ước: *Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia là hành vi phạm tội được thực hiện ở nhiều quốc gia hoặc được thực hiện ở một quốc gia, nhưng phần chủ yếu của việc chuẩn bị, lên kế hoạch, chỉ đạo hay điều khiển việc thực hiện tội phạm lại diễn ra ở một quốc gia khác, hoặc đây là hành vi tội phạm được thực hiện ở một quốc gia nhưng có liên quan đến một nhóm tội phạm có tổ chức tham gia thực hiện các hoạt động tội phạm ở nhiều quốc gia, hoặc tội phạm được thực hiện ở một quốc gia nhưng có ảnh hưởng nghiêm trọng đến một quốc gia khác*

+ Các loại tội phạm xuyên quốc gia: 10 loại: **tội phạm** về ma túy; cướp biển; mua bán người; khủng bố; buôn lậu vũ khí; rửa tiền; **tội phạm** kinh tế; **tội phạm** công nghệ cao; buôn lậu động vật hoang dã và gỗ, và đưa người di cư trái phép

+ Tác động của tội phạm xuyên quốc gia: Đe dọa trật tự an toàn xã hội của các quốc gia và cả cộng đồng quốc tế; Tội phạm ma túy xuyên quốc gia; Tội phạm buôn người xuyên quốc gia; Tội phạm khủng bố xuyên quốc gia; Tội phạm máy tính xuyên quốc gia.....

- Tội phạm công nghệ cao và tác động của tội phạm công nghệ cao (*Bài 6 An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng*)

2.3. An ninh mạng, an ninh thông tin (*Bài 6 An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng*)

- Vấn đề an ninh mạng, an ninh thông tin

- Tác động của an ninh mạng, an ninh thông tin

2.4. Ô nhiễm môi trường (*Bài 3 Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường*)

- Tình trạng ô nhiễm môi trường

- Tác hại của ô nhiễm môi trường

2.5. Thảm họa do thiên nhiên và con người gây ra (*Bài 3 Phòng chống vi phạm pháp luật và bảo vệ môi trường*)

- Các dạng thảm họa

- Hậu quả của thảm họa

2.6. Tình trạng biến đổi khí hậu (*Bài 3 Phòng chống vi phạm pháp luật và bảo vệ môi trường*)

- Tình hình biến đổi khí hậu trái đất

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu

2.7. Dịch bệnh (*Bài 3 Phòng chống vi phạm pháp luật và bảo vệ môi trường*)

- Sự phát triển các loại dịch bệnh lây lan

- Tác động của dịch bệnh

## II. Ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

### 1. Những ảnh hưởng của an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

- Ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh (*Tài liệu tập huấn VGDQPAN 2017*)

- Ảnh hưởng đến chính trị
- Ảnh hưởng đến kinh tế
- Ảnh hưởng đến văn hóa xã hội
- Ảnh hưởng đến môi trường

## ***2. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tăng cường ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống***

- An ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống là hai khái niệm độc lập nhưng có nội hàm đan xen, hòa quyện, tác động và chuyển hóa lẫn nhau

- Ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ trọng yếu của quốc phòng-an ninh bảo vệ Tổ quốc

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trong nước kết hợp với sức mạnh quốc tế để chủ động ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

## ***3. Một số giải pháp nhằm ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam***

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước

- Nâng cao nhận thức về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

- Chủ động, tích cực phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội
- Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế